

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH-HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|---------------|
| — Liên lạc hội-họa với nhiếp ảnh | TÔ NGỌC-VÂN |
| — Những bình-dân ngân-hàng | VŨ ĐÌNH-HÒE |
| — Bàn chuyện Thơ | PHẠM VĂN-HẠNH |
| | NG. XUÂN-SANH |
| — Địa vị Không-tử trong Nho-giáo | ĐẶNG THÁI-MAI |
| — Lược khảo tiểu-thuyết Tàu | TRẦN VĂN-GIÁP |
| — Lược-khảo về khoa thi Hội, Quý,
Sửu Duy-Tân thứ bảy (1913) | NG. VĂN-HUYỀN |
| — Mỹ-từ-pháp trong văn chương | |
| Pháp và văn-chương Việt-Nam | VŨ BỘI-LIỀU |
| — Vệ-sinh ở thôn quê | VŨ VĂN-CẦN |
| Mấy vụ kiện giữa chủ và người
thuê nhà | ĐỖ ĐỨC-DỤC |
| — Cuộc chiến tranh ở Âu-châu | TÂN PHONG |
| — Đưa con, tiểu-thuyết dài | ĐỖ ĐỨC-THU |

LIÊN-LẠC HỘI-HỌA

VỚI NGHIỆP ẢNH

Nhân cuộc triển lãm ảnh mỹ-thuật của ông Tranh, An, và Nghi.

TÔ NGỌC-VÂN

TRONG một số báo trước, phân biệt Hội họa với máy ảnh, tôi tỏ ý rằng mỹ phẩm của bức tranh không còn nữa khi tranh rình bắt chước ảnh. Nghĩ như vậy không phải là khinh chiếc máy ảnh và nghề nhiếp ảnh.

Ảnh có thiên chức riêng, rất quý giá vì rất cần, thiên chức của những tài liệu (documents) sắc thực, minh bạch, về hình trạng. Đó là những « chứng » thực thà, không biết thiên vị, và không làm ai chối cãi nổi. Sự can hệ của ảnh đối với khoa học cũng như ở nhiều giới khác là điều rõ ràng rồi.

Ngoài cái giá trị « Tài liệu » của ảnh, nhiều khi chúng ta đứng về phương diện mỹ-thuật mà xét nó. Là vì, nếu có những họa-sĩ muốn thành nhà nhiếp ảnh, thì cũng có những nhà nhiếp ảnh muốn làm họa-sĩ. Ấu cũng do một số tư cách chung của Tranh và Ảnh. Trước hết ảnh cũng như tranh là một mặt phẳng lì (surface plane) trên đó tả những vật ba chiều (trois dimensions). Người xem có ảo tưởng về sự nổi và sự sâu hay xa gần. Sau nữa, muốn chụp một bức ảnh tôi nói ảnh mỹ thuật — nhà nhiếp ảnh cũng phải biết xếp đặt, khéo trình bày những nhân vật đề tả; phải sành chọn ánh sáng cho những thứ ấy thêm giá trị hay đến được cái vẻ mà mình muốn nó có; phải lựa chiều mà chụp để toàn thể nổi vị; phải tả giáng dấp, phẩm cách đặc biệt và thể chất riêng của từng vật.

Và hơn hết cả, quan niệm « đẹp » một phần cũng tựa tựa như nhau, là họa sĩ hay nhà nhiếp ảnh phân biệt đẹp với xấu ở chỗ hình bóng của những vật lên mặt tranh hay ảnh đẹp hay xấu. Chứ không vì những vật ấy đắt tiền, quý giá, hay vì những người không phải nhà nghệ khen là đẹp. Ví dụ: một cảnh lá đủ xuống mặt nước, một chút ánh sáng đi qua đám cỏ lau, một bàn tay rúng vào bùn, một cái ghế tôi trên đặt chiếc giày nát... đã là những vẻ đẹp ảnh và tranh.

Ảnh nhiều lần, đã tả những cảnh mập mờ lối họa-sĩ Corot, hay in những khổ mặt nửa

sáng nửa lần vào tối như trên tác phẩm của họa-sĩ Rembrandt, hay chấp chồng những hình lên nhau kiểu phái Siêu-hiện-thực (Surréaliste)...

Vậy đứng trước những mỹ thuật phẩm về ảnh ấy, ta có cảm sự rung động như khi ngắm một bức tranh không? Hay, nói rộng ra, ta có đặt ngang giá trị một tác phẩm hội họa đẹp và một bức ảnh mỹ thuật hoàn toàn? Ta có đem nhà nhiếp ảnh lên cùng bậc với nhà danh họa?

Sự thực thì chưa ai nói có. Trái lại, người ta còn tự hỏi xem nhiếp ảnh có đáng gọi là một mỹ-thuật? Và đối diện với Hội họa phẩm, bức ảnh, theo ý người ta, vẫn chỉ là kiểu mẫu những cái mà họa-sĩ không bao giờ nên làm. Có phải chăng bao nhiêu những sự không đẹp nhà nhiếp ảnh mỹ thuật phải chịu đựng cũng chỉ vì đã nhờ một bộ máy để diễn tả ý nghĩ của mình?

Nếu tôi tin bức tranh theo ảnh là của dở, tôi lại nghĩ rằng nhà nhiếp ảnh đem khuynh hướng hội họa vào nghệ thuật ảnh là điều hay. Không để cái máy tự do hành động một cách lãnh đạm, thần nhiên, nhà nhiếp ảnh khiến nó, bắt nó theo chiều ý nghĩ hay cảm tưởng của mình trong sự dàn xếp, bày ra một hoàn cảnh, một không khí, một giáng điệu trên những vật mình chụp. Nghĩa là đặt một linh hồn rung động trong cái máy mà chính mình làm chủ não. Cũng như nhà hội họa đặt một linh hồn vào ngọn bút hay màu thuốc. Có khác là cái quyền sai khiến của họa-sĩ đối với vật dụng như bút, thuốc

thì mệnh mòng vô chủ, mà cái sức điều khiển bộ máy của nhà nhiếp ảnh thì không vô hạn. Có khác ở chỗ Hội họa là nhà mỹ-thuật nhiều mảnh khé, còn nhà nhiếp ảnh là nhà mỹ-thuật mà nghệ thuật không rỗng bằng.

Đề sáng tỏ mấy ý này, Hanoi chúng ta, tháng trước đã được ngắm những tác phẩm của ba nhà nhiếp ảnh mỹ-thuật Tranh, An và Nghi, trưng bày ở phòng chụp tại đường phố Cửa Nam. Ông Nghi, bày chuyên phong cảnh, có hai bức đặc biệt về ánh sáng trong, bức đám thuyền chung quanh gợn sóng và bức mây soi mình vào nước. Còn hai ông Tranh và An, dân Hanoi đã làm quen cách đây một năm — hay hơn nữa — ở một hiệu chụp ảnh, trong một cuộc triển lãm các nhà văn-sĩ, nghệ-sĩ Hà-Thành do hai ông chụp. Những tác phẩm trước và vừa đây đã soi rõ một vài đặc điểm của hai ông mà chúng ta nhận thấy. Sở trường của các ông đến bây giờ là ở những tác phẩm về người.

Muốn hiểu giá trị những tấm truyền thần do các ông chúng ta nên nhìn lại những bức truyền thần khác, của mấy hiệu ảnh hồi trước, những bức ảnh mà người ta quảng cáo là « mỹ thuật », và một độ được công chúng ưa chuộng lắm, cái công chúng trong đó nhiều nhất có các cậu hay các cô chụp ảnh mình để cho nhà gái hay nhà trai xem mặt, và những cặp vợ chồng mới cưới cùng muốn trẻ măng, ầu ỹm tí đầu vào nhau trên ảnh.

Tác giả những bóng họ ư, có tài quý thuật biến những khuôn mặt hốc hác vì ho lao, trở nên béo tốt phương phi mồm mồm, và một nước da banh mặt hay đen sì hóa trắng toát như vôi.

Lại còn cái viền ánh sáng quanh mờ tóc và mấy vết ánh sáng quệt hai bên má nó làm mặt trong đi như thủy tinh! Toàn những vẻ và những cơ rất can hệ để cho người ta muốn truyền thần lại mình!

Hai ông Tăng và An hình như không-dồng lòng với mấy nhà nhiếp ảnh quý thuật chứ không phải mỹ-thuật ấy. Các ông đã sáng tạo ra một thứ ảnh người hết người, không « đẹp » ra theo nghĩa ngó ngó, tròn tả được thể chất và tính cách từng nét mặt, từng vẻ mặt. Sự sáng tạo rõ ràng nhất là khéo dim những khuôn mặt vào bóng tối để, tùy theo, làm lộ một chỗ mặt rắn sừng hay dịu tròn.

Ngần ấy tác phẩm chỉ có độ vài ba thiếu-nữ ngồi làm kiêu. Các ông đã tạt soay chiều và phân phát ánh sáng với bóng tối, trên những bộ phận ở mặt xếp bên cạnh chiếc màn, hay dựa vào mảng bóng đen, lúc ẩn lúc hiện nửa chừng hay rõ rệt, để thành một số nhiều tác phẩm giá trị như nhau, vậy mà mỗi bức một vẻ riêng cao quý. Người ta thấy nhà mỹ thuật thận trọng, tận tiện từng chút bọn sáng, hay ánh sáng lòa lổ, từng mảng bóng hay đặc đen phủ lên phải chỗ, không quá tay, để ta cảm thấy điệu nhịp nhàng cân đối trong tấm ảnh. Cái chấm sáng trên môi của hình thiếu-nữ ngực lộ trần, nở nang và sạm dịu, đã gợi ý sắc dục, một cách điều độ và có duyên. Nét mặt hơi tươi như sắp cười chìm trong nửa sáng nửa tối làm phẳng phất một bầu không khí đầy yêu.

Đó là những tác phẩm mỹ thuật. Hiểu theo quan niệm chính đường và lòng ham mê nghệ thuật.

Có ai không vừa lòng? Hội họa chẳng lại chỉ mấy cô dâu chú rể tương lai không thấy các ông Tranh An làm lợi cho mình!

TÔ-NGỌC-VÂN

NHỮNG BÌNH-DÂN NGÂN-HÀNG

Vũ Đình-Hoè

Để chống nạn cho vay nặng lãi, pháp luật đã thường can thiệp. Pháp luật đã ấn định tiền lãi hàng năm (8 phân ở Đông Dương) mà chủ nợ không được lấy quá. Pháp luật bắt tội những kẻ cho vay nặng lãi. Song sự can thiệp đó chẳng có hiệu quả gì: chủ nợ muốn tránh tội lỗi chỉ việc bắt con nợ phải biên thặng số tiền cho vay vào văn tự (cho vay 1000 bắt viết lên 1500, lãi giả theo như quốc-lệ!) Thật là dễ dàng quá! Vì vậy gần đây ở Đông-Dương pháp luật đã bắt buộc một viên-chức nhà nước duyệt-y và số tiền cho vay phải giao trước mặt viên-chức đó (1). Tuy nhiên chủ nợ vẫn có nhiều cách để tránh điều khoản trên đại khái bắt con nợ phải nhận số tiền vay như một số tiền gửi, hoặc một số tiền cầm đề mua hàng, hay bắt con nợ bán diên-mại (bán nhưng có quyền chuộc lại trong một thời hạn nhất định) một vật sở hữu, đồ vàng, nhà đất v. v...

Pháp luật thật đã bất-lực trong việc chống nạn cho vay nặng lãi. Khi số người đi vay rất nhiều, khi người đi vay cần tiền, nhất là cần tiền để sống hàng ngày, thì họ chỉ biết có một thứ luật là luật của chủ nợ. Vả lại, pháp luật càng làm khó khăn sự cho vay thì lại càng làm khó khăn cho người đi vay: hiệu quả phản lại với ý muốn của nhà làm luật.

Công cuộc bài trừ nạn cho vay nặng lãi không thể thực hành bằng pháp-luật. Nó phải thực hành bằng *phương sách kinh tế* mà hiệu quả đã rõ rệt trong những nước đã áp dụng lối tổ-chức ấy: để diệt bọn chủ nợ vô nhân-đạo chỉ có một cách là lập nhiều cơ quan cho vay nhẹ lãi. Cơ quan đó trong những nước trên là những BÌNH-DÂN NGÂN HÀNG.

Công-dụng và lối tổ-chức của bình-dân ngân hàng.

Công-dụng của những bình-dân ngân-hàng là

(1) Xem bài: Cho vay lãi và cấm họ trước pháp-luật trong T. N tháng Juillet 1941.

giúp vốn cho những nhà tiểu-kỹ-nghệ, những nhà tiểu-thương cùng những nông-gia. Những hạng người này khi cần tiền ít khi có thể vay được ở các nhà ngân-hàng lớn của kỹ-nghệ và thương-mại vì lẽ họ không có đủ bảo đảm vì lẽ những số tiền họ vay rất nhỏ mọn đối với công việc kinh-doanh của các nhà «băng» lớn vì lẽ những nhà «băng» này thường chỉ cho vay trong một thời hạn là 3 tháng; thời hạn đó ngắn quá đối với các nông-gia, họ phải đợi đến vụ gặt hái mới có tiền để trả nợ.

Cách tổ-chức bình-dân ngân-hàng như thế nào? Vốn của những cơ quan đó gây nên do ở đâu?

Những công cuộc kinh doanh thường lập bởi cách gọi cổ-phần trong số người có sẵn tiền, tổ-chức thành những hội kỹ-nghệ, hội buôn hay hội cho vay liền (những ngân-hàng) hoạt động đến cuối mỗi năm chia lãi cho những người đã bỏ vốn theo số cổ-phần của họ.

Đó là lối tổ-chức «tư-bản». Những bình-dân ngân-hàng không thể tổ-chức theo phương-pháp tư bản được. Vì những người có sẵn vốn tất chỉ đặt tiền vào những việc kinh doanh có thể gây được nhiều lãi. Nếu họ lập hội cho vay, tất chỉ nghĩ đến lập những nhà «băng lớn» kỹ-nghệ và thương mại, chứ ai chịu bỏ tiền ra để lập những ngân hàng mà phạm-vi công việc nhỏ hẹp chỉ gây những số lời ít ỏi.

Thần hoặc một đôi khi có một vài nhà tư-bản vui lòng xuất vốn lập một bình-dân ngân-hàng, để giúp người nghèo; nhưng đó chỉ là một việc hãn hữu, một việc thiện do vài người hảo tâm, đáng quý thật song sự quan trọng thì rất nhỏ đối với một tổ-chức cần phải lan rộng trong khắp dân gian.

Việc lập những bình-dân ngân-hàng có thể do ở chính phủ được chăng? Chính-phủ mới có sẵn tiền hoặc sẵn cách tìm tiền để làm một công cuộc cần phải vốn to (vì phải giúp ích cho

một số người rất nhiều) mà lại thích hợp với nhiệm-vụ của chính-phủ là bảo vệ sự hoạt động kinh tế của quần-chúng. Thoạt nghe ta thấy việc đó không những chính-phủ làm được mà lại phải làm nữa. Song sự kinh-nghiệm ở nhiều nước đã tỏ rõ rằng những binh-dân ngân-hàng do chính-phủ xuất vốn và quản-trị đều đi tới chỗ thất bại vì *những số tiền cho vay rất lớn mà thường không có gì đảm bảo và những người vay tiền không cố gắng để trả nợ*. Những binh-dân ngân-hàng lập ở Pháp năm 1863 và 1865 theo lối ấy đều phải đóng cửa ngay vài năm sau khi thành lập.

Vậy việc lập binh-dân ngân-hàng để giúp vốn những lớp dân chúng không thể trông cậy ở bọn tư-bản, cũng không thể do chính phủ khởi sự, mà *phải do sức cố gắng gom góp của chính bọn binh-dân*, Chính bọn cần vay tiền lại phải chung sức bỏ vốn lập hội cho vay ! Thật có vẻ trái ngược ! Song sự thực phương pháp đó đã có hiệu quả rực rỡ trong sự kinh nghiệm của nhiều nước. Đó là « *phương pháp hợp tác* ». Và những binh-dân ngân-hàng đứng vững được ở đâu cũng là : những « **HỘI HỢP-TÁC XÃ CHO VAY** ».

Nguyên-tắc hoạt-động của những « hội hợp-tác xã cho vay ».

Lý-do của những « hội hợp-tác xã » cho vay là thế này : một nhà kinh-doanh nhỏ không thể vay tiền được một cách dễ dàng (vì số tiền vay nhỏ quá và vì không đủ bảo đảm) ; nhưng nếu một số người trong hạng đó chung sức lại thành một hội tương-trợ thì sự đi vay không còn khó như trước nữa :

— Vì những hội-viên có thể đảm-bảo lẫn người nợ cho người kia.

— Vì hội, bằng những món tiền góp hằng tháng của các hội-viên có thể gây một cái vốn dùng để cho nhau vay lẫn.

Những hội « hợp-tác-xã cho vay » có hai nhược điểm do lẽ tất nhiên :

— Vốn hội thường ít ỏi ;

— Các hội-viên tách riêng ra, hoặc chính hội đều rất ít của cải để dùng làm vật bảo đảm riêng (les sûretés réelles) cho những món vay.

Vì vậy cho được có hiệu quả nguyên-tắc hoạt động của Binh-dân ngân-hàng là sự **LIÊN-ĐỐI VÀ VÔ HẠN TRÁCH-NHIỆM** của tất cả các hội-viên (solidarité illimitée). Mỗi hội-viên chịu trách-nhiệm đối với hội và những chủ nợ của hội bằng tất cả gia tài của mình, về những món nợ hoặc do mình vay hoặc do những hội-viên khác vay, hoặc do hội vay.

Nguyên-tắc đó là sức mạnh độc nhất và tối cần của những « hội hợp-tác xã cho vay ».

Với nguyên-tắc đó « hội hợp-tác xã cho vay » mới được tin-nhiệm của các hội-viên và đứng-vững được. Người ta chỉ thảng thảng góp tiền sòng phẳng vào một hội khi người ta tin rằng hội đó trường cửu đề, đến khi cần đến, người ta có thể được hưởng những quyền lợi định trong điều lệ. Cái cơ nguy của một hội cho vay là những số tiền cho vay bị đọng lại. Nhưng nếu tất cả các hội-viên đều bị trách-nhiệm về những số tiền ấy bằng cả gia tài của mỗi người, thì việc thu những món nợ cũng có nhiều phần chắc chắn. Miễn là hết thầy hội-viên đều là những người lương thiện (đó là một điều-kiện nhập hội tối quan trọng), và khi mọi hội-viên vay tiền không trả được thì là cố cùng chứ không phải bất lương.

Với nguyên-tắc « liên-đối và vô-hạn trách-nhiệm », binh-dân ngân-hàng còn có thể xoay thêm vốn bằng cách đi vay các ngân-hàng lớn khác hoặc các quỹ của chính-phủ.

Ở một vài nước như ở nước Pháp, chính phủ đã đặt một quỹ riêng cho những Binh-dân ngân-hàng vay tiền, và đặt những cơ quan kiểm-sát việc cho vay ấy.

Ngoài nguyên-tắc chính trên hội hợp-tác xã cho vay còn hoạt động theo vài nguyên-tắc khác nữa :

— Tiền lời của hội không chia cho vốn hội nó chỉ được hưởng một khoản lãi nhất định.

— Tiền lời của hội chia cho các hội-viên theo số việc giao-địch của họ với hội chứ không theo số cổ phần của từng người.

Theo điều-lệ hội Binh-dân ngân-hàng có khi chỉ cho hội-viên vay tiền có khi cho cả người ngoài vay nữa.

■

Những « hội hợp-tác xã cho vay » ở mọi nơi đều có những kết quả rất hay. Trước hết nó bài trừ nạn cho vay nặng lãi. Sau nó giúp vào việc giáo-dục quần-chúng vì nó bắt buộc sự « ăn nhịn để dành » và đặt một điều-kiện khắt khe, lòng lương thiện, trong việc lựa chọn hội-viên. Những hội đó càng có kết quả hay nếu nó phải dựa rất ít vào chính-phủ. Không có gì tốt bằng sự kiểm sát lẫn nhau giữa các hội-viên : không ai dám công nhiên dùng tiền bỏ hôi nước mắt của người khác, vào những việc không có tính cách sản-xuất ngay trước mắt người ta. Trái lại rất ít người bắn khoan về việc dùng những món tiền vốn do chính-phủ cho mượn. Thật là một sự nguy-hiểm khi người ta chỉ trông cậy vào sự giúp đỡ của nhà nước chứ không tìm sự sung túc trong sức làm việc và đức tần tiện.

VŨ-ĐÌNH-HÒE

— « Bên Tâm - đương canh khuya đưa khách... » Tại sao thơ (1) lại không bao giờ sáng sủa dễ hiểu như những câu thơ cổ.

— Tại sao thơ lại cần bao giờ cũng xuôi nghĩa như lối nói hàng ngày... Cách xếp đặt tiếng, hình ảnh trong lời văn khác trong lời thơ. Như lúc tỉnh với khi mộng. Lúc bình tâm với khi xuất thần. Bước đi và điệu múa.

Câu đầu bài Tỳ-bà là Thơ, ai cũng dễ nhận.

Cũng câu ấy, thử xếp lại : « Tâm-dương canh khách bên đưa khuya... » (nói ví dụ) — dành rằng đã thanh một câu khác — sao lại không phải là Thơ? Và có thể chỉ như thế mới là Thơ trong trường hợp sau này vì như thế mới « thật », mới hợp với một « từ » riêng biệt, một tâm trạng riêng-biệt, một vũ-trụ riêng-biệt, khác với cái « từ », cái tâm-trạng, cái vũ-trụ đã ngụ trong câu nguyên-van.

Cũng đều dung bảy tiếng trên, mà tâm-trạng của người tạo nên câu « Tâm-dương canh khách bên đưa khuya » có khác cái tâm-trạng nằm trong câu « Bên Tâm-dương canh khuya đưa khách ». Thay đổi vị-tri các tiếng là do ở sự muốn làm dễ lưu-thông chất Thơ, diễn trọn tâm-tinh.

Không vì cơ không xuôi nghĩa, không hợp với lối hiểu không thông-thường, mà không chịu nhìn cái chất Thơ chân-chính ở câu sau, (đây chỉ là nói ví dụ), Cũng như không vì cái tiện-dễ của Euclide mà không chịu rằng có thể có những môn kỹ-hà-học không dựng trên tiên-đề ấy.

Tất nhiên người phải bỏ-ngỡ khi chợt bước vào một thế-giới khác thường, mà những định-luật đã bị xáo-lộn. Nhưng thế-giới kia không phải không « hợp lý » và những định-luật nó không thể kém « thật ».

Trang-từ mơ thấy mình hóa bướm, linh diệu không biết huy là bướm hóa ra mình.

Sự thất lạc một luồng diễn hai chiều : một cuộc đi tới, hay là một cuộc trở về.

(1) Buổi luận đàm nhỏ này của các tác giả với một người bóng soi sáng được một vài ý chính đã phát lung trong bài khá luận về Thơ, T. N. số xuân.

Hữu-thức hay là tiềm-thức.

« Xuôi nghĩa », hay là « tối nghĩa » chỉ ở bề ngoài. Nhưng « đi sâu vào là gặp cái chân-chất nhịp-nhàng... », cái siêu lý muôn đời, cái Thơ.

Phần sáng tỏ còn có thể chứa ít chất thơ hơn, vì là địa hạt của sự hành-động hằng ngày, « vụ-ích lợi ». Không lấy làm lạ rằng Ban đêm là buổi sáng-tạo tung-bừng của Nghệ-thuật (kể cả Khoa-học), Tinh-yếu và Lễ-dạo.

Tung-bừng trong cái bi-mật diệu-huyền.

Tung-bừng trong cái sâu-kín của Tư-tưởng.

Hoa quỳnh bùng mở giữa sự im lặng bao-la.

« Bên Tâm-dương canh khuya đưa khách... » Thiết tưởng bảy tiếng ấy chỉ có một lối xếp như kia, mới nhịp-nhàng và diễn đúng ý ông Tư-mã Giang-châu, cái đêm nghe tỳ-bà...

« Tâm-dương canh khách bên đưa khuya... » Có thể cũng chỉ có một lối xếp tiếng như đây mới « thật », và tả đúng tinh một người không phải ông Tư-mã đất Giang-châu, trong một đêm không phải đêm nghe tỳ-bà, ở một bên, không phải bên thành Bồn (tuy rằng vẫn trên sông Tâm-dương). Nghĩa là câu sau đã đổi cả « giá-trị », đã khác cả linh-hồn, vì thay dáng-diệu, thay « hương sắc ». Tinh thay màu, là lời thơ đòi giọng. Thơ được xem là một cách tế-nhi nhất để diễn-tả ý-tinh vì thế.

Cũng là mấy bước đi, mà bước đi của Thôi Oanh-Oanh không thể cũng đều đặn, « sáng-sủa », « dễ hiểu » như bước đi của Không Phi-Tần. Mà « bài thơ âm-thầm in trên cát » (2) còn « đẹp » hơn « bài thơ rộn rã gót sen vàng ».

Dù sao nó cũng « thật ». Đó là cái lẽ chính. « Có ai bắt được nó có một hình, khi nó muốn như làn khói không hình... »

Làm sao khiến bước đi của nàng Thôi ngay-ngắn, khi nó diễn cái tinh uẩn-khúc của nàng Thôi?

Không có lời thơ tối nghĩa, chỉ có những tư-tưởng sâu-kín (những tư tưởng thơ, rung-động nhịp-nhàng) mà người đọc không chuyên-chú có thể không tường, vì không đặt tâm-hồn trong hình-trạng có thơ, không rộng mở giác-quan và tri-thức.

Làm sao cứ đề thuyền xuôi, khi bến ở trên dòng ngược?

(2) Xem « Quan-niệm bài thơ » T. N. số 11.

Cứ « đi đường ta », chân-thành và trong-treo, dù có trái con nước, dù có đơn-chiếc một mình.

Thi sĩ, người tạo những công-trình độc nhất, không nghĩ đến theo dòng người trước.

« Lễ-Thật » ở chỗ có một (3); Thơ, Lời thơ và Thi-sĩ (một cách) sống Thơ, một lối diễn Tư-Tưởng Thơ riêng của một người Thi-sĩ.

Cái Đẹp không hề lặp lại (dù lặp lại chỉ hai lần).

— Xét lại, vẫn không ổn. Sao lại Tâm-dương canh khách... bên đưa khuya...

— Hãy thí-dụ có một câu thơ như thế. Thi chính cái công của người đọc (nó cho lại cái thù) là tự tìm câu trả lời. Người đọc tự gầy cái vườn của mình, nó có thể giống hay khác cái vườn của thi-sĩ.

Giá-trị câu thơ do sự liên lạc những tiếng đề gần nhau. Hội được giá trị ấy, do sự tìm ra những mối liên-lạc kia. Bỏ-ngỡ, chỉ là không nhìn bằng con mắt mới, không rung động bằng cái tâm-hồn thật, không thoát thói quen, không mưa tự vượt mình. Không sáng-tạo. Mà Thơ là sáng-tạo.

« Canh khách... » Sao lòng khách lại không sâu thăm (hay sâu thăm) tựa canh trường? Ta đã thấy (hãy sâu thăm) thử cái dây liên-lạc (có thể giản-dị hay phiền-phức). Nhịp câu nổi tiếng « canh » với tiếng « khách ». Một trong bao nhiêu nhịp mà ai ai trong mỗi thời khác tùy theo tâm-trạng của mình, đều tha-hồ bắc, đề qua con sông Thơ.

Thi-sĩ đã tạo (thế-giới riêng của thi-sĩ) và « bài thơ đã thành ». Bảy giờ nhường sự tái-tạo thơ cho người đọc (thế-giới riêng của người đọc).

— Vậy ra cứ gieo tinh-cờ bảy tiếng kia là thơ?

— Theo phép tinh-độn, thì cái may kia có thể xảy ra, chỉ có lần với may. Nhưng làm sao mà bao nhiêu sự may rủi cùng thành thơ cả được!

(3) Một nền thơ muốn được phát triển hoàn toàn trong mọi bề và mọi vẻ nên tránh sự có nhiều thi sĩ (dù chỉ hai thời) cùng tư-tưởng theo nhau và cùng diễn tả những tư-tưởng thơ bằng những lời thơ (cách điệu, ngữ cú pháp, thơ...) giống nhau — Thơ phát từ muôn nguồn gốc và mỗi người — thơ là một thế giới riêng.

PHẠM VĂN HẠNH NGUYỄN XUÂN SANH

Vị-tri những phần-tử câu thơ phải vâng theo những định-luật huyền-diệu, mà chặt-chẽ..., riêng do ở tâm trí độc-liệt của người sáng-tạo thơ, thi-sĩ.

— Chặt chẽ khiến người ta có cái cảm-giác là gò-gấp, là chủ tâm.

Nghệ thuật là có chủ tâm có ý thức.

Chu-tâm trong khoảng vô-tâm, y-thức trong coi vô-thức, vô-tâm ngay nơi chủ tâm, vô-thức ngay chỗ y-thức.

Thi-sĩ chu-tâm tìm tòi để được gặp gỡ, thi-sĩ chu-tâm với những diện mạo của đời mình, của lòng mình để xây dựng nên thơ.

Có những văn gia chỉ đủ thi-giới sống Thơ khi cầm bút, thi cũng có thể có những người mà cuộc đi tìm Thơ đã chiếm trọn một đời.

— Sao phải phiền-phức thế. Sao cứ phải quay mình vào trong, lao tâm và khổ tư... Chợt một hôm trời đẹp, chợt một vần thơ say. Thơ ngẫu nhiên đến...

...một cách de-dang. Nhưng cái de-dang ấy có thể do sự hồn-nhiên (linh hơn Thơ là linh hồn trẻ mới), không thể do sự « ngẫu nhiên ».

« Ngẫu nhiên » không hề « đẹp ». Ngẫu nhiên là hôn-dộn là phản sáng tạo, là không phải thơ.

Còn « hứng thơ » là chỉ do « sự mang nặng » những ý tình. Cái thai đến kỳ tròn trịa được day ra ngoài lòng mẹ đẻ tự sống lấy đời mình. Trái đến độ chín muồi trái rớt. Một nỗi đau ấp-ủ đã lâu, đến một ngày vì quá dày, quá đậm, đã làm chân động hoan-toàn tâm-tri (về sinh-lý, thần-kinh-hệ bị rung chuyển, sự sinh-hoạt của thân thể đi chậm lại, v. v...) Thi-sĩ thấy cần thoát một « lời than », một lời thơ.

Và biết đâu một tứ thơ diễn bảy giờ, thi-sĩ không mang sẵn trong tâm hồn từ kiếp trước...

Ngẫu-nhiên là do người tuồng thế.

Ngẫu-nhiên được nhìn một cảnh « de ra » thôi, chưa là « đẹp ».

Lời chỉ « de thích » thôi, chưa là « thơ ».

Phải con có gì nam trong cảnh, trong lời kia nua : tâm hơn người có thơ.

Thi-sĩ đối-chứng «thần-kinh-hệ» mình với cuộc sống.

Sống đầy cuộc-sống.

Trong sự chờ đợi Thơ. Trong sự chờ đợi cái «phước» của Trời — sửa soạn tiếp-nhận tiếng đàn thương-phụ...

— Cứ việc nghe, mà cảm mà có thơ?

— Tất cả vấn-đề ở chỗ đó, ở chỗ biết lắng nghe...

Trong canh khuya, có phải ai cũng nghe tiếng đàn ấy («Thuyền mây lá dòng tây lặng ngất.») và thi-sĩ nào cũng được nghe? Không phải «ngẫu nhiên» tiếng tỷ kiếm đến tại thi-sĩ.

«Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trác ty...»

Tiếng tỷ đã sắp sửa trong nỗi nhớ «kinh-đổ thanh», đã nở-pon trong tình chờ-đợi.

«Hiết tha chờ đợi «phước», phước sẽ giáng. «Đạt mình trong tình-trạng có thần-trợ», thần sẽ hiển linh.

«Chờ xem sẽ thấy hiển-linh bây giờ».

— Và nếu không thấy hiển-linh có lẽ tại thần không thiêng vậy.

— Nhưng khi «thần» đã ứng cho một người, ít ra là một người, tức thì «thần» có thiêng.

Đạm-Tiên chỉ báo mộng cho một nàng Kiều. Không bắt buộc nàng Vân phải tài tình (và mọi người phải tài tình). Lỗi không ở Đạm-Tiên. («Lỗi không ở thi-sĩ»). Không ở nàng Kiều. Nhưng khi Vân trách chị;

«...cũng nức cười,

Khéo dư nước mắt khóc ngưòi đời xưa...»

Vì thiếu chỗ, nên bài «Những nền móng của một cuộc xây dựng về giáo-dục» phải để lại đến kỳ sau. Vậy xin lỗi các bạn đọc.

V. Đ. H.

— Dù có muốn được «ứng» thật, mà vẫn không thấy ứng, là sao?

— Vì chỉ «muốn» suông, mà không «làm». Lòng phải thanh-sạch khi hành lễ. Thân phải nhẹ-nhàng khi đang-sơn. Lời văn thành lời thơ nhờ gạn lọc. Và Thơ là không-khi «trong-trẻo» dần dần cho tới tuyệt-đỉnh. Phải có phổi tốt, tim khỏe mới chịu nổi không-khi trên cao. Và cần tu-luyện trước. Lên đến Thơ, cần tri-thức, chuyên tâm, khổ-hạnh.

— Lời thơ quá «khó khăn» chẳng kém nhịp-nhàng sao? mà thơ phải nhịp-nhàng.

— Khó-khăn là kỹ-luật, kỹ luật là nhịp-nhàng.

Thơ phải là nhịp-nhàng trước hết. Và «nhịp-nhàng là tất cả cõi siêu hình».

Cái nhịp-nhàng sáu, rộng, trong.

Cái nhịp-nhàng có-một mà gấp-nhiều, trên cả giọng, lời: là Điệu.

PHẠM VĂN HẠNH
NGUYỄN XUÂN-SANH

HỘP THƯ

Cùng các bạn hỏi mua những số báo cũ. — Xin giả nhời chung các bạn rằng những số báo cũ (từ số đầu đến số 1er Juin 1942) hết cả; trừ có 2 số: Décembre 1941 (Số Kinh tế) và số Février 1942 (Số Tết Nhâm-Ngọ) là 2 số đặc biệt vì đã in nhiều, nên còn dư một ít.

Ô. Huynh Hạnh (Travo) Đã nhận được ngân phiếu. Xin cho biết địa chỉ và ý định rõ ràng.

Ô. Bùi-Hiền (Vinh) Đã nhận được chuyện ngắn. Xin trân trọng cảm ơn. Sẽ đăng.

Ô. Ng-th-Kim (Vinh) Chỉ còn có các số 7 và số 9.

Ô. Trương Chính. Đã nhận được bài. Xin cảm ơn. Đang xem.

Cần mua lại T. N. số tháng Septembre 1941. Bạn nào muốn để lại chúng tôi xin trả tiền gấp đôi.

HỌC CHỮ NHẬT

Muốn biết chữ Nhật mau chóng thì nên mua cuốn «Nhật-Ngữ-Tự-Học» của Nguyễn Ngọc-Loan soạn. Chữ Nhật giảng Quốc-ngữ và chữ Pháp, dạy rõ mẹo luật, tự mình học lấy, dễ hiểu chóng biết, đã được quan Tổng-lãnh-sự Nhật đề tựa và ban khen rằng: «Từ trước đến nay chưa từng có cuốn sách nào có qui thức như vậy, nó sẽ là cuốn sách học chính của cả mọi người» v. v. Giá bán: 2\$00, thêm cước gửi 0\$70. Ngân phiếu xin đề cho ông:

NGUYỄN DI-LUÂN

DIRECTEUR

Nam-thiên thư cục

Nº 37. Rue des Pipes — HANOI

(Tiếp theo)

IV

LỊCH-sử Trung-hoa trong xã-hội Ân - Chu đồng-hóa hồi Xuân-thu đã gây nên những sự mâu-thuẫn giữa tâm-lý và hoàn-cảnh cùng nghệ - nghiệp phái nhà-nho.

Dưới quyền thống-trị nhà Chu, sáu, bảy trăm năm sau lúc nước mất, họ vẫn ôm ấp cái hy vọng phục-hưng tổ-quốc. Nhưng sau cuộc thất-bại, lực lượng dân tộc đã bị tiêu-hao, thì cái khí tự-cường của phân-tử trí-thức cũng một ngày một sa sút. Vậy nên họ chỉ có thể im hơi lặng tiếng mà chờ đợi sự trừng-nghiêm những lời

sấm viển-vông. Nghĩa là thời-thế đã bắt-hủi khi phách anh-hùng nhà nho một cách đau đớn.

Một mặt nữa, bọn họ vẫn tự-nhận là hạng người cao quý, có cái thiên-chức gìn-giữ nền văn hóa và tôn-giáo cả một dân-tộc Cổ-Ân. Nhưng tình hình chính-trị và kinh-tế lại bắt buộc họ phải ẩn-nhấn trong phạm-vi nhu-đạo và tìm kế sinh nhai trong những nghề nghiệp vẫn bị khinh-thường. Không-tử đã nói cùng học trò : « Ta lúc trẻ đã sống trong cảnh bần tiện, nên mới biết được nhiều bí-nghệ » Câu nói ấy cũng là một câu tả-chân tình cảnh sinh hoạt của cả toàn thể phái Nho trong thời-kỳ bấy giờ. Ấy lại là một mối mâu-thuẫn giữa sinh-kế với tấm lòng tự-ái cá-nhân.

Chức nghiệp thầy, lẽ là một chức nghiệp tôn-giáo. Nhưng tôn-giáo nhà Nho không phải chỉ phụng sự một vị thiên-chúa một vị thần chung cho cả thiên hạ, mà chỉ căn-bản ở sự thờ phụng tổ tiên. Thành ra quỹ thần mà bọn nho-gia phải lễ-bái ấy tùy một gia-tộc một khác. Tục ngữ nói : « Lắm thầy quấy ma ». Nhưng lắm ma cũng là một việc rất khó xử cho « thầy » ! Xét xem cử-chỉ của các nhà nho lúc đi dùm người trong các hội hè đình đám, ta cảm thấy họ là một hạng người sống cùng nghề vui gượng, cười suông trong những trường hợp éo le như câu tục ngữ đã tả : « Đình đám họ chi em ta » ! Khi họ đi đi giúp lễ tang cũng vậy : phần nhiều chỉ là đem nước mắt đi khóc ma người dung mà thôi ! Lòng tin ngưỡng đã thiếu

DIẠ VỊ KHÔNG TỬ TRONG NHO - GIÁO ĐẶNG THÁI-MAI

thì lễ-mão bề ngoài không thể không có những nét giả-dối.

Trong hai thiên Công-Mạnh và Phi Nho, Mặc-tử đã đem những mối mâu-thuẫn giữa tâm-lý và nghề nghiệp của nhà nho để mà công kích phái nho-học.

Bấy nhiêu mâu-thuẫn còn chờ sự giải quyết của lịch-sử.

V

Một điều kiện rất quan trọng cho học thuyết Không-tử là sự nhận thức về xu-thế lịch-sử Trung-Quốc về hồi Xuân-Thu. Không đã thấy rõ rằng : trong xã-hội Ân-Chu đồng-hóa hồi bấy giờ, một công-kuộc kiến thiết bất kỳ về mặt chính-trị hay

văn hóa, nếu chỉ dựa vào thế lực một dân tộc Ân thì không đi tới mục đích được. Phải phá hẳn cái bờ xoa rệu chia rẽ dân Ân và dân Chu. Phải thủ tiêu những quan-niệm cô-lập, những ý tưởng bất đồng-hóa. Tinh cách bộ-lạc, với những hy vọng chính-trị hão huyền, chỉ có thể đưa nhà nho tới con đường thất-vọng. Vậy Không sẽ bạo-dạn đem cái khẩu hiệu « Tông-Chu » — Theo nhà Chu — để hiệu-triệu « Thiên hạ ».

Nào phải nhà đại triết-học châu Á là một bác « Tịch-Đàm quên cả tổ mình là ai » ! Tiểu truyện Không-tử còn nhan nhản những chứng cứ là Không vẫn yêu nhà Ân, tiếc, nhà Ân... Trong Luận ngữ trong Lê kỷ, bao nhiêu lần ta đã nghe phu-tử thốt ra những câu nói chứa chan những tình-hoài cổ-quốc ! Bấy ngày trước lúc thở hơi cuối cùng Không-tử vẫn nhắc lại cùng đồ-đệ : « ...Ta là người Ân ! ... »

Nhưng lịch-sử đã đưa dân Ân đi đến một giai-đoạn mới. Trong xã hội bấy giờ, thế lực Chu đã khuynh-lật hẳn lực-lượng dân Ân. Có vượt ra ngoài phạm vi chung giới, thì văn hóa nhà Ân mới mong ra có thể chinh phục được một dân tộc đã chinh phục mình mấy trăm năm nay. Huống chi văn hiến nhà Ân hồi bấy giờ chỉ có thể căn bản vào nước Tống, mà ngay ở Tống bằng-cớ đích-xác cũng không đủ nữa !... Văn hóa nhà Ân đã đến hồi « héo hon » mà nhà Chu thời nhờ có gương Hạ và Ân, nên đã gây nên một nền « văn hóa rực rỡ, tốt đẹp » vậy Không-tử sẽ theo nhà Chu !

ĐỊA - VỊ KHÔNG - TỬ

Ý nghĩa câu khẩu hiệu : « Tòng Chu » Không phải là quên nhà Ân cũng không phải là một thái độ hoàn toàn thuận-thụ.

Về phương-diện chính-trị, thái độ tôn quân của Không-tử cơ hồ không mấy ai cần hoài-nghi nữa. Bình-phẩm nhân vật thời Xuân-Thu, Không vẫn khen Quản-Trọng là người đã giúp Tề-Hoàn-Công làm nên nghiệp bá và tôn thề-thống nhà Chu. Lúc đã về hưu, Không-tử nghe Trần-Thành-Tử, đại phu nước Tề giết vua là Giản-công thì liền « tắm gội rồi vào châu » xin với vua Ai-công nước Lỗ đem quân qua Tề để đánh kẻ bạn-thần. Bút pháp xuân-thu cũng vẫn luôn luôn ngụ ý tôn vua. Như lúc ghi chép niên hiệu, thì bao giờ cũng đại hiệu vua chính-thống. Có chuyện tôi giết vua, cướp ngôi vua, thì Không-tử vẫn chép rất rõ ràng — « đại thư, đặc thư » — để ngụ ý trừng phạt. Nhưng xét kỹ lại thì thái độ tôn-quân của Không-tử chưa hẳn là tôn Chu mà có phần chắc hơn là chỉ muốn duy trì thề thống và trật-tự của xã-hội và bảo tồn văn-hóa Trung-Quốc đương-thời mà thôi....

Cũng có kẻ nhắc lại một câu chuyện còn chép ở thiên Dương-hóa bộ Luận ngữ mà kết luận rằng : Không là một nhà nhất thiết tôn Chu. Câu chuyện thế này : « Một ngày kia, một người tới nước Lỗ, Công-sơn-Phất nhiều, làm phản, chống lại với vua Lỗ và ngụ ý muốn mời Không-tử làm cố vấn. Không-tử muốn đi, Tư Lộ không bằng lòng, nói : « Nếu thời mà không làm gì được nữa, thì thôi chứ sao lại đi theo họ Công-sơn ? ».

Không-tử giả lời : « Nếu đã mời ta là ắt có ý dùng ta... Và nếu có người dùng ta thì có lẽ ta sẽ gây dựng nền cơ đồ « Đông-Chu ».

Rồi nhiều nhà Hậu-học cho đấy là trong lúc thề thống nhà Chu đã suy vĩ mà Không vẫn không hề quên Chu...

Nhưng ta nên nhớ rằng : chữ Đông-Chu trong luận-ngữ không có ý nghĩa là cơ đồ nhà Chu. Chẳng qua người ta đã hiểu lầm nghĩa hai chữ ấy với hai chữ Đông-Chu trong sử-ký, mà các sử gia đời Hán mấy trăm năm sau thời kỳ Xuân-Thu, dùng để phân-biệt nhà Chu của vua Bình vương (770-713 tr. Th. ch.) về miền đông, với cơ nghiệp mà tổ tiên Bình vương là Văn Vương, Võ vương, đã gây dựng ở miền tây.

Về thời Không, hai chữ Đông-Chu chưa có ý nghĩa lịch-sử đó. Danh-từ ấy chỉ có ý nghĩa địa-dư và bao quát địa bàn bốn nước : Tề, Lỗ, Vệ và Lạc, đất Ân ngày xưa ở về miền đông nước Tàu. Một mặt nữa lấy mà suy, thì phục hưng cơ đồ nhà Chu mà lại định di phò tá một người phản-thần chống

lại với chế độ phong-kiến nhà Chu thì thiết là một câu chuyện vô lý. Vậy câu nói của Không-tử chỉ là ước ao có người nối nhà Chu gây dựng một nền đế-chế mới mà thôi.

Thái độ chán nản với dòng vua chính thống, hiện nay còn nhiều chứng cứ trong Luận ngữ. Đã có lúc Không-tử ngụ ý muốn giúp việc với những bạn bạn-thần lúc Xuân-thu ! Thậm chí còn muốn ra ngoài chỗ « Cửu di » (chín giống mọi rợ) hoặc là « cưỡi một mảnh bè ra ngoài bể... » Đi đâu ? Đi tìm một người biết đến, dùng đến để phụ-tử có thể đem sở-học ra mà thi thố trong chính-trị. Vậy thì tư-tưởng Tôn-Chu của Không vẫn có giới-hạn. Nếu như nhà Chu còn là cái tượng-trưng sự thống nhất nước Tàu, thì cần phải tôn Chu. Mà nếu nhà Chu không có một vị minh-quân, biết dùng hiền tài nếu một người khác có thể hiền Phụ-tử, muốn yêu cầu giúp việc, nếu như thời cơ có thể gây nên một đời vua thứ tư sau « Tạm-Dại » (Hạ-thương-Chu) thì phụ-tử cũng không từ-nan ! Giúp đời là mục-đích ; tôn-quân là phương-tiện.

Về mặt thực-hành, Không-tử cũng không hề có những ý kiến tuyệt đối tòng-Chu. Nhan Uyên, người đồ đệ đã được Phụ-tử yêu hơn hết hỏi phụ-tử cách trị nước nên thế nào. Không-tử đáp : « Theo niên-lịch nhà Hạ cưỡi xe Lộ nhà Ân, đội mũ miện nhà Chu, còn nhạc thời mùa nhạc Thiệu vua Thuấn » Ấy chính là một chính kiến muốn tham chước cổ kim, lựa lọc cái hay cái tốt của đời xưa để mà hành trong chính-trị.

Nghi-lễ xã hội nước Tàu hồi bấy giờ là một vấn đề xã hội đặc biệt quan trọng. Chúng ta sẽ có dịp, thảo luận về ý kiến của Không-tử trong vấn đề ấy. Nhưng lấy đại khái mà nói thì lễ-nghi đạo Không nhất là về lễ tang cũng vẫn bao hàm một ý nghĩa « chiết trung » rất rõ rệt. Đầu tiên Tiên-Tiến Không-tử nói : « Muốn bọn người từ trước kia đã theo lễ-nhạc bọn tiên-tiến là bọn quê mùa ; còn một bọn sau này mới theo lễ-nhạc — bọn hậu-tiến — là quân tử. Nhưng nếu dùng lễ-nhạc thời ta sẽ theo bọn tiên-tiến ». Mấy chữ « dã-nhân » và « quân-tử » về sau, Chu-tử và Trình-tử cũng đã thích nghĩa nhưng chưa được phân minh. Gần đây, Phó-tư-niên đã đem ra giải thích và nhận thấy chữ dã-nhân nghĩa là dân Ân, còn chữ quân-tử là chỉ giai cấp thống trị người Chu, hồi bấy giờ Quan-diêm của Phó-tư-niên về ý nghĩa lịch-sử và địa-dư của mấy chữ dã-nhân, quân-tử cho ta biết rằng : về mặt thực hành nghi-lễ, Không không phải là tuyệt đối theo Chu.

TRONG NHO - GIÁO

Chẳng qua về thời kỳ Không, trọng tâm (centre de gravité) lịch sử đã lìa hẳn nhóm di — dân Ân. Và một công cuộc kiến thiết về chính trị văn hóa quyết không có thể đứng trong phạm vi một bộ-lạc cô-lập mà có thể thành được. Vậy khẩu hiệu « Tòng Chu » với triết lý « nhất thị đồng nhân » (đem cả các dân-tộc xem như một toàn thể) chính là một phương pháp để giải quyết sự mâu thuẫn giữa tâm lý anh hùng nhà nho và tình thế lịch sử của dân Ân.

VI

Sự mâu thuẫn giữa tình tự-ái, với tình cảnh sa sút của nhà nho, đã gây nên những trạng-thái suy đồi, yếu đuối về tâm-lý, và luân-lý phải Nho. Trong một địa-vị chả có gì là vẻ vang, họ vẫn tự hào là tinh hoa của giống nòi. Tình cảnh chính trị, kinh-lẽ đã làm tiêu ma hết tinh thần tấn thủ và chí khí tự cường của họ, nhưng họ vẫn tự cao tự đại, an ủi mình với những lý-do đối trá của mối cảm tình vị-kỷ. Không chú-trọng đến thực lực mà chỉ

lo loè loẹt bề ngoài, ấy là cái đại bệnh của nhà nho tiêu-nhân.

Muốn giải quyết sự mâu thuẫn ấy, Lão tử chủ trì lý-thuyết nhu-đạo triệt để.

Lão là một nhà triết học tiêu-cực.

Sau lúc đã chịu ảnh-hưởng học-thuyết họ Lão trong cuộc thời gian Không sẽ đem nhu-đạo n.à phê bình lại, và đi xa hẳn. Trong Luận Ngữ, một người học trò hỏi : « Lấy đức mà báo oán, thế nào ? » Không giả lời : « thế thì lấy gì mà báo đức ? Chỉ bằng lấy đức mà báo-đức, lấy lễ thắng (lễ công bằng) mà báo oán. »

Vẫn biết rằng : nhu-đạo cũng cần có một nghị-lực đặc biệt. Nhưng đối với bọn « hương nguyện chỉ biết nhún nhường, khiếp nhược, không có tinh tự-cường, thì Không vẫn mục cho là « lũ thù-nhân của đạo-đức ».

(còn nữa)

ĐẶNG THÁI-MAI

Ý - KIẾN BẠN ĐỌC ĐỐI VỚI THANH-NHỊ

Trungbình, le 2 Mai 1942

À Monsieur le Directeur du « Thanh Nghị » à Hanoi

Thưa Ông,

« Thanh Nghị » có một giá trị rất cao. Văn bài đã làm nao lòng dân chúng, nao lòng một cách cao quý. Không có tranh ảnh gì nhưng cách sắp trang chọn chữ mỹ thuật lắm....

Kính chúc quý báo trường thọ

Mme LẠI-THỊ-HOÀNG
Annam

Huế, 19 Avril 1942

Thưa Ông,

Nhân đọc tờ báo Thanh-Nghị tôi sung sướng vô cùng như được gặp một người bạn quý !

Tôi muốn viết thư liền nhưng hơi ngần ngại vì chưa từng viết cho ông lần nào.

Nhưng nay tôi đánh bạo viết để tỏ lòng ham mộ của bọn học-sinh chúng tôi đối với quý báo.

Bấy lâu nay chúng tôi chỉ hơi tiếc là quý báo ra bất thường và ngó hiếm quá. Nay được tin bắt đầu 1er Mai sẽ ra một tháng hai kỳ, tôi lấy làm sung sướng lắm.

TRẦN TẾ-HẠNH
Lycée Khải Định — Huế

Vinh-yên, le 5 Mai 1942

Thưa Ngài,

Tôi rất vui mừng thấy tờ Thanh Nghị từ nay ra mỗi tháng hai kỳ như ý chúng tôi vẫn hằng mong, và chúng tôi lại cầu cho sự cố gắng của ngài và các quý bạn trong tòa soạn sẽ có một kết quả tốt đẹp và lâu bền. Tôi sung sướng được đọc trong số báo 1er Mai bài khảo cứu về một triết-gia Tàu : ý-kiến bạn đọc đối với Thanh-nghị tôi ước mong một ngày tới sẽ được đọc nhiều bài khảo-cứu rất tường tận về lịch sử tiến hóa và học thuyết của các triết gia hai xứ Trung Hoa và Ấn-Độ để được biết rõ ràng những cái văn hóa đã ảnh hưởng lớn đến sự sống còn của nước ta tự ngàn xưa. Tôi ham biết những thứ đó là cốt để bổ khuyết cái thiếu thốn rất đáng thẹn trong sự học vấn của phần đông các bạn trẻ như tôi, là hiểu biết một cách rất thô sơ những cái gì là của phương Đông. Chúng tôi đã hết sức tìm tòi để học biết thêm nhưng thật khó khăn vô cùng ! Ngày nay, những món đó lại được quý báo đem lại cho, thật không gì khiến chúng tôi vui mừng hơn.

Tiền đây tôi xin gửi hầu ngài cái ngân phiếu 1\$50 để mua ba tháng báo Thanh-Nghị.

Nay thư
NGUYỄN-TRẦN-LIÊN
P. T. T (Vinh-Yên)

<https://tieulun.hopto.org>

LƯỢC KHẢO VỀ KHOA QUÝ SỬU, DUY

III

Hôm yết bảng thi thấy *Hội-nguyên* là PHAN-HUY-TÙNG, lúc ấy đang lĩnh Huấn-đạo huyện Đông-sơn. Cụ người xã Canh-hoạch, tổng Canh-hoạch, phủ Đức-thọ, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh, sinh năm Mậu-dần, tuổi 36, đỗ Cử-nhân khoa Bình-ngọ Thành-thái thứ 18 (1906).

Rồi đến :

Thứ hai ; NGUYỄN-VĂN-GIÁ, lĩnh Huấn-đạo huyện Phú-vang, người xã Tri-lễ, tổng Đặng-sơn phủ Anh-sơn, huyện Lương-sơn, tỉnh Nghệ-an; sinh năm Nhâm-thân, 42 tuổi. Con cụ Tú Nguyễn-văn-Thường. Đỗ Cử-nhân khoa Bình-ngọ, Thành-thái thứ 18 (1906) ;

Thứ ba ; ĐỖ-XUÂN-PHONG, người xã Đoán-quyết, tổng Mật-vật, phủ Thiện-hóa, huyện Thụy-nguyên, tỉnh Thanh-hóa sinh năm Đinh-sửu, 37 tuổi, Đỗ cử-nhân khoa Nhâm-tý Duy-tân thứ 6 (1912) ;

Thứ tư : PHẠM-HỮU-VĂN, người xã Nam-trung tổng Sư-lỗ, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên (Nguyên người tỉnh Gia-định). Sinh năm Nhâm-ngọ, 32 tuổi. Đỗ Cử-nhân khoa Nhâm-tý Duy-tân thứ 6 (1912).

Thứ năm ; MAI-HỮU-DỤNG, người xã Nga-lộ, tổng Mậu-lâm, phủ Hà-trung, huyện Nga-sơn, tỉnh Thanh-hóa. Sinh năm Tân-mùi, 43 tuổi. Đỗ Cử-nhân khoa Nhâm-ngọ Thành-thái thứ 18 (1906) ;

Thứ sáu ; ĐINH-VĂN-CHẤP, người xã Kim-khê, tổng Kim-nguyên, phủ Hưng-nguyên, huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an. Sinh năm Quý-tị, 21 tuổi. Con cụ Nghè Chắt; Chắt cụ Nghè Phác. Đỗ Cử-nhân khoa Nhâm-tý Duy-tân thứ 6 (1912).

Thứ bảy : VŨ-XUÂN-TÂM, người xã Đinh-lương tổng Hồi-thuần, phủ Yên-khánh, huyện Kim-sơn, tỉnh Ninh-bình. Sinh năm Nhâm-thân, 42 tuổi. Con cụ Tú Vũ-hữu-Kiều, cháu cụ Tú Vũ-viết-Từ. Đỗ Cử-nhân khoa Kỷ-dậu Duy-tân thứ 3 (1912) ;

Thứ tám : VŨ-NHỊ-CÁT, hiện lĩnh Lai-bộ Hành tầu, người xã Trúc-lâm, tổng Yên-minh, huyện Hưng trà, tỉnh Thừa-thiên. Sinh năm Ất-dậu, 29 tuổi. Cháu cụ Tú Vũ-Toàn. Đỗ Cử-nhân khoa Quý-mão Thành-thái thứ 15 (1903) ;

Thứ chín : LÊ-KÍNH-THIÊN, người xã Yên-ấp, tổng Yên-ấp, phủ Đức-thọ, huyện Hương sơn, tỉnh Hà-tĩnh. Sinh năm Bình-tuất 28 tuổi. Đỗ Cử-nhân khoa Nhâm-tý Duy-tân thứ 6 (1912). Con cụ Cử Kinh-y, cháu cụ Cử Hiệp ;

Thứ mười : PHAN-SĨ-BÀNG, người xã Vũ-liệt, phủ Anh-sơn, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an. Sinh năm Kỷ-sửu 25 tuổi. Cháu cụ Nghè Thục, con cụ Cử Ngạc. Đỗ Cử-nhân khoa Nhâm-tý Duy-tân thứ 6 (1912).

Thế là khoa Hội ấy Bắc-kỳ ta tất cả có 27 cống-sĩ trảy kinh mà chỉ một mình cụ Vũ-xuân-Tâm có tên trên bảng (Theo tập *Đông-dương tạp chí*, số 4, ngày 5 Juin 1913), Còn Trung-kỳ bao nhiêu người ứng thí thì không tường.

Rồi ngày 24 tháng năm (28 Juin 1913) mười viên trúng Hội vào Điện-thí. Hoàng-thượng cử hai quan *Duyệt-quyền* là Hồng-lô-tự khanh lĩnh Biện-lý Học-bộ *Nguyễn-thiện-Hạnh*, người Xuân-giang, huyện Hoảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa đỗ Cử-nhân khoa Bình-tý Tự-Đức 29 (1876) và Quang-lộc-tự-khanh lĩnh Phụ-chính phủ Viên-ngoại *Phạm-Liệu*, 6 người Trùng-giang, Quảng nam, đỗ Tam giác tiến-sĩ khoa Mậu tuất Thành thái thứ 10 (1898) ; cùng hai quan *Đọc-quyền* là Lễ-bộ Hiệp-biện sung Phụ-chính phủ đại thần, Mỹ-hòa Tử *Hoàng Côn*, người Quảng-bình huyện Phong-lộc, xã Trung-bình, đỗ-Phó-bảng khoa Đinh-sửu Tự-đức thứ 30 (1877), và Hộ-bộ Tham-chi *Cao-xuân-Tiểu*, người Nghệ an, huyện Đông-thành xã Thịnh-mỹ, đỗ Phó-bảng khoa Ất-vị Thành-thái thứ 7 (1895).

Các cụ *Duyệt quyền* chấm bằng mực, rồi đến hai cụ *Đọc quyền* thay vua chấm lại bằng son hồng. Cả bốn khảo-quan cùng ký tên vào bản đăng-lục các quyền văn (1).

THI HỘI TÂN THỨ, BẢY (1913)

(tiếp theo)

NGUYỄN VĂN-HUYỀN

Lần này khác với kỳ Hội-thí, điểm-số của các quan *Duyệt-quyền* và *Đọc-quyền* không có chênh lệch nhau. Dem hợp phách lại thì thấy chỉ có hai quyền được trên số trung-bình : một quyền 16 và một quyền 14 điểm. Quyền thứ ba được trúng mười điểm. Rồi đến một quyền chín điểm, một quyền bảy, một quyền sáu, một quyền năm, một quyền bốn. Hai quyền cuối được hai điểm. Như vậy là chẳng có quyền nào không được nửa điểm nên không cụ nào trúng Hội mà vào Điện thí phải truất-lạc cả !

Các khảo-quan cộng điểm-số các quyền được ở Hội-thí, và Điện-thí, chia ra làm sáu thành để đặt trên dưới. Rồi tầu lên Hoàng-thượng ra ân cho cụ Đình-văn-Chấp đỗ *Nhị-giáp Tiến-sĩ*. Rồi đến năm cụ Vũ-nhị-Cát, Nguyễn-văn-Giá, Mai-hữu-Dụng, Phan-huy-Tùng, Phạm hữu-Văn, đỗ *Tam giáp Đồng Tiến-sĩ*, và bốn cụ Vũ-xuân-Tâm, Đỗ-xuân-Phong, Phan sĩ-Bàng, Lê-kính-Thiên dự *Phó-bảng*.

Xét ra như vậy thì bằng Điện khác với bằng Hội xa lắm. Cụ Hội nguyên vào Điện-thí tụt xuống Tiến-sĩ thứ năm. Cụ đỗ thứ ba ở Hội lại lui xuống tận hàng thứ hai Phó-bảng. Mà cụ đứng thứ tám ở Hội vào Điện lại vọt lên đến Hoàng-giáp, tên nêu đầu bảng.

Cụ Đình-nguyên khoa ấy thực là sung sướng ! Ngay ở Hội cụ đã có một cái thắng ý rồi : trong tất cả các vị tân-khọa chỉ có một mình cụ được

(1) Tất cả các quyền thí ở Hội và Điện sau khi người phần việc đã đọc phách rồi đều giao cho các viên thư-lại đọc cho những nho-lại hoặc bát hoặc cửu phẩm chép nguyên văn bằng son thường. Lại có những viên khác trông nom những người đọc và người chép. Rồi mới giao bản chép ấy cho các khảo-quan chấm. Ở Hội-thí, đồng-khảo ở Điện-thí, *Duyệt-quyền* đều chấm bằng mực. Mà Chủ khảo ở Hội cùng *Đọc-quyền* ở điện thì chấm bằng son tầu màu hồng. Như vậy các khảo-quan không sao biết được tự-dạng các quyền thí ; mà những nét chấm khuyến, những điều phê bình đều không sao nhằm lẫn được. Xong rồi đã có người phần việc riêng đối chiếu-lục với nguyên-quyền để hợp. Ai có trách nhiệm ấy : nếu có việc gì sơ suất không thể chối cãi được.

bài pháp-văn trúng cách trường-quan phê 18 điểm. Thực là một bậc túc-học, cả cựu lẫn tân. Năm ấy mới 21 tuổi ; dáng danh là một họ « *Thế-khoa* » liệt trong « *Khoa-bảng lục* ».

Khi tôi bắt đầu viết bài này ngụ ý là dùng phương-pháp sử học mà chiếm một tia sáng vào cái tinh-thần của một thời-đại quá khứ nước nhà.

Tôi đã nóng nôi không nhìn đến thời-gian. Mà quên hẳn mất vấn-đề cá-nhân rất quan hệ về phương-diện pháp luật và luận-lý. Khoa Quý-sửu tôi đương khảo cửu cách đây chưa được ba mươi năm.

Tôi kịp tạm ngừng bút trên vấn-đề này. Đợi thời gian lấp tối lịch-sử nước nhà thêm ít năm nữa vậy ! Xin các bạn lượng thứ cho.

NGUYỄN VĂN-HUYỀN

BÁO KHOA-HỌC

Do một nhóm : Giáo-sư, Kỹ-sư, Dược-sĩ
Bác-sĩ biên tập.

Trong số 6 ra ngày mồng một
tháng sáu năm 1942

Có những bài :

Những Khái-niệm cơ-bản của hình-học.	Nguyễn-thúc-Hào
Định-lý Pythagore.	Tạ-quang-Bửu
Khoa-học cổ thể chế ra vàng được không ?	Nghiêm-xuân-Thiện
Hóa-học toát-yếu.	Nguy-Như Kontum
Bàn về những hiện tượng bày giờ thường xảy trên mặt đất.	Đặng-phục-Thông
Dùng nước tiểu để chữa bệnh.	Hoàng-lịch-Trữ
Chữa bệnh bằng phép châm-cứu bộ Giao-cảm thần-kinh.	Hoàng-tích-Trữ
Sét hòn, sét cục.	Phạm-đình-Át
Con ve và con kiến.	Nguyễn-dũng-Thanh
Lịch-sử cái đồng hồ.	Nguyễn-Xiễn
Chuyện trên trời dưới đất.	Nguyễn-Xiễn
Phép tính dễ.	Hoàng-xuân-Hân
Tổ án pháp giải trí.	Hoàng-xuân-Hân

<https://tieulun.hopto.org>

Lược khảo tiểu thuyết Tàu

(Tiếp theo)

Sách *Lĩnh - nam trich-quái* có lẽ cũng làm vào đời Trần nhưng sau sách *U-linh* đã trích lục ở sách *U-linh* lại chịu nhiều ảnh-hưởng ở tiểu-thuyết Tàu làm vào đời Nguyên. Cả hai bộ sách này đều viết bằng chữ Hán, từ mười mấy năm trước đây cụ Phan-Kế-Bính đã có trích dịch nhiều truyện làm thành bộ *Nam - hải di nhân liệt truyện* mà phần nhiều chúng ta có xem qua. Có một điều ta đáng

chú ý : sách *Lĩnh-nam trich-quái*, từ đầu đến cuối toàn bằng Hán-tự cả, chỉ trong truyện *Hà-ô-lôi* có chép mấy câu hát của Hà bằng tiếng nôm. Những câu hát này tuy không khanh-trương cho lắm, nhưng có cái giá-trị cổ dỗi với văn nôm ta, ít ra cũng làm từ cuối đời Trần hay đầu đời Lê vậy. Truyện này cũng giai nhưng xin kể qua để hiểu mấy câu thơ :

Vào đời Trần Dụ-lôn, có quan An-phủ-sứ là Đặng Sĩ-Doanh, người làng Ma-la, được vua sai đi sứ Tàu, vợ là bà họ Võ ở nhà một mình. Ở trong làng có thờ thần là Ma-la, cứ đêm đến hiện ra người đứng như ông Doanh gọi cửa về nhà. Bà họ Võ ngờ hỏi đã đi xứ Tàu sao lại còn về thì ông Doanh giả, tìm lời nói khéo, vua yêu cho ở nhà ; rồi cứ tối về sáng sớm lại đi. Được hơn một năm thì ông Doanh thật ở Tàu về thật. Lúc bấy giờ bà họ Võ đã có mang gần đến tháng sinh. Ông Doanh đem truyện tàu vua, cho đem giam bà Võ. Ngay đêm hôm ấy vua nằm mộng thấy thần Ma-la đến thưa rằng ; «Thần Ma-la lấy họ Võ đã có mang, nay bị Sĩ-Doanh chiếm đoạt» Vua thức dậy, ngày mai sai cho con đem giả thần Ma-la mà họ Võ giao giả ông Doanh. Được 3 tháng sau họ Võ đẻ ra một cái bọc đen, phá ra có một đứa con giai dạ đen như mực, đến năm 12 tuổi vì thần Ma-la không có họ nên đặt tên thằng bé ấy là họ Hà, tên là Ô-Lôi. Nam 15 tuổi, tuy người đen, nhưng mĩn

mĩn đáng yêu, cho vào hầu hạ trong cung, được vinh sủng lắm. Một hôm đi chơi gặp vị tiên Lã-động-Tân giáng trần, hỏi Ô-Lôi muốn gì, Ô-Lôi tàu chỉ muốn có thanh sắc để chơi bời cho sướng. Đức Động-Tân bảo Ô-Lôi há miệng nhổ cho một bãi nước bọt bảo nuốt đi. Từ đấy Ô-Lôi có giọng hát hay lạ thường, ai cũng phải mê. Sau nhân hát hay, nhiều người hàm-mộ sinh ra làm sẵn, tư thông khắp cả mọi người nên vua phải đem đánh chết.

Câu thơ Ô-Lôi thường hát ;

Chỉ dãi nấu đến xin làm tôi.

Ngộ chữ Thiên-phúc để cha lời.

Vì Ô-Lôi đen-đũi nên ai trông thấy cũng cười là xấu nên có câu thơ.

Dùng chỉ mặt mũi chấy mà them.

Kẻ chợ hết người nhất mới gièm.

Nhân cô hoàng kim cùng quốc sắc.

Thấy nàng Man đến thử gièm xem.

Khi làm hình có mấy câu tuyệt mệnh ;

Tử sinh do mệnh quân nãi sao!

Nam nhi miễn được chi anh-hào,

Chết vì thanh sắc cam mà chết,

Chết ốm đau nên cơm gạo nào.

8. — Mấy bộ tiểu-thuyết Việt-nam xưa có giá-trị

Mãi đến cuối đời Lê, trước đời Mạc lại thấy xuất-hiện một quyển truyện rất có giá-trị, không phải là lối lịch-sử tiểu-thuyết hay là thần-bí liệt truyện như hai quyển vừa nói qua chính là quyển *Truyền kỳ mạn-lục*. Sách này có 4 quyển của cụ Nguyễn Dữ làm, thầy học là cụ Trạng-Trình Nguyễn Bỉnh-Khiêm có phủ chính, đến cuối đời Mạc lại có cụ Nguyễn Thố-Nghi diễn ra nôm, nên sách ta bây giờ thấy cứ hết câu chữ lại chữa nghĩa bằng chữ nôm. Cụ Nguyễn Dữ, là con cụ Nguyễn Tường-Phiêu người làng Đỗ-tùng, huyện Gia-lộc, bây giờ là làng Đoàn-lâm thuộc huyện Thanh-miền, tỉnh Hải-dương. Cụ là Cao-đệ cụ Trạng Trình, đỗ thủ-khoa cuối đời Lê, sau vì bị nhà Mạc nên không ra làm quan. Theo như cụ Lê Qui-Đôn thì sách *Truyền kỳ mạn lục* này có chịu nhiều ảnh-hưởng các sách tiểu-thuyết đời Minh, vì chính sách ấy theo kiểu-mẫu mấy bộ sách Tàu có tiếng là bộ *Tiến dũng tập*. Ta hãy xem lược mục sau này thì đủ rõ ; quyển nhất : 1. Bài ký đền Hạng-võ ; 2. Truyện bà nghĩa-phụ Khoái-châu ; 3. Truyện cây gạo ; 4. Truyện trà đồng giáng sinh ; 5. Bài ký truyện kỳ-ngộ ở thành

tây : — *Quyển hai* : 6. Truyện Long - đình đối tụng ; 7. Truyện Nghiệp oan họ Đào ; 8. Truyện quan Phán-sự đền Tản-viên ; 9. Truyện Từ-Thức lấy tiên ; 10. Truyện Phạm Tử-Hư lên chơi Thiên Tào ; — *Quyển ba* ; 11. Truyện yêu-quái ở Xương giang ; 12. Truyện người kiếm củi ở Na-sơn ; 13. Truyện cái chùa đồ ở Đông-triều ; 14. Truyện nàng Thúy-tiêu ; 15. Bài ký tiệc rượu đêm ở Đà-giang. — *Quyển bốn* : 16. Truyện người con gái ở Nam-sang ; 17. Truyện tướng-quân họ Lý ; 18. Truyện Lê-nương ; 19. Bài-ký cuộc thi ở Kim hoa ; 20. Truyện bộ sũy gia-soa.

Đến đầu thế-kỷ thứ 17 lại thấy có truyện *Truyền kỳ tân phả*. Truyện có một quyển gồm có 6 truyện : 10 Bích câu kỳ ngộ ; 20 Hải-khâu linh từ ; 30 Văn cát thần nữ ; 40 Hoàn-hoa tiên cục. 50 An-ấp liệt-nữ ; 60 Nghĩa khuyên khuất miếu. Sách *Truyền kỳ tân phả* của bà Đoàn-thị-Điễm, hiệu là Hồng-hà nữ-sử. Bà là em gái ông Đầu-sư Đoàn-Trác-Luân người tỉnh Giang bắc. Hai anh em cùng học giỏi, văn hay có tiếng đời bấy giờ. Truyện về bà *Thị-Điễm* thì nhiều, xin kể qua một câu truyện con đề ta hiểu rõ cái tài học và cái thông-minh của cả hai anh em. Một hôm buổi chiều bả đang ngồi trang-điểm ở hè nhà, ông anh đi chơi về rửa chân ở cầu ao, đọc ngay một câu văn :

Chiếu kinh họa mỹ, nhất « điễm » phiên thành lưỡng « điễm ». « nghĩa là soi gương vẽ lòng mày, một chấm hóa thành hai chấm ».

Chữ « điễm » đây là cái chấm nhưng kỳ thực có ý chê mắng bà *Điễm* :

Bà liền đối ngay :

Lâm-tri ngoạn nguyệt chích « luân » chuyển tác song « luân ». « nghĩa là : ra ao ngắm mặt trăng, một « vành tròn » chuyển làm hai « vành tròn ».

Chữ « *Luân* » cũng như chữ *Điễm* đủ biết hai anh em tài học không kém gì nhau.

Bà *Điễm* kén cả chọn canh mãi, sau lấy ông Nguyễn-Kiều, hiệu là Hiệu-hiên, đỗ Tiến-sĩ. Khi ông Kiêu mất, bà có dạy học được nhiều người thành tài. Bà có một người cháu gái vừa là học trò, bà yêu lắm, sau gả cho quan Đốc-học Thành-nam là Nguyễn-Công-Huy, không may con mất ít lâu rồi chồng cũng mất. Khi chồng người cháu gái bà mất bà có làm cho một đôi câu đối, đọc lên ta thấy lâm-li sâu thâm chứa chan biết bao tình cảm.

Toàn hạ thừa hoan, ưng tri quán hữ tử.

« Suối vàng thừa hoan, vẫn biết chàng đã có con ».

Mộng trung đối hoại thù vị thiệp vô phu.

« Chiêm bao đối hoại, ai bảo tôi mà không chồng ».

Truyện *Truyền kỳ tân phả* cũng như lối *Truyện kỳ man lục* không những về truyện tác giả đề ý đến-câu văn nhiều hơn, thế cho nên đời gọi sách này là sách *Tục truyền kỳ*. Nhưng xét ra văn bà *Điễm* kém về hùng vĩ hơn văn cụ Nguyễn Dư. Có một vài điều ta đáng chú ý : truyện này có ảnh hưởng đến xã-hội nhiều lắm ta hãy xem điều mắt ta trông thấy là việc các bà đi lối Phủ, các ông hay phụ tiên có phải là do ở truyện *Văn cát thần nữ* và ở truyện *Bích-câu kỳ ngộ* mà bành-chướng ra không ? Thứ chi ta thấy rằng, ngay từ đời ấy ta đã có lối văn ngụ ngôn là bài *Nghĩa khuyên khuất miếu*.

Đồng thời với bà *Thị-Điễm* có bộ *Công dư tiếp ký* cũng thuộc về loài ấy. Sách này của cụ Vũ-phương-đế, hiệu Thuần-phủ người làng Mộ-trạch. Các truyện trong sách có chia làm 12 mục : 10 Thế gia, 20 Danh-thần ; 30 Danh-nho ; 40 Tiết nghĩa ; 50 Chí-khi ; 60 Ác-báo ; 70 Tiết-phụ ; 80 Ca-nhi ; 90 Thần-quái ; 100 Âm-phần dương trạch ; 110 Danh-thắng ; 120 Thú loại. Về sau có cụ Trần Qui-Nha người ở Chi-linh có làm nổi thêm tục biên và bỏ đi gọi là hậu-biên có thêm truyện vào Mục danh thần, danh nho và có thêm các mục Đâm-tử, Mộng-ký, Tiên-thích, Thần-tử, Sơn-xuyên v. v . . .

Cùng loài các truyện ấy, còn có nhiều truyện có tiếng, như : *Truyền văn tân lục*, *Văn kỳ lục* của cụ Nguyễn Diễm-Trai, người Nghệ-an ; *Khoa bảng tiêu kỳ* của cụ Phan Huy-Ôn, *Việt nam thể chí* của cụ Hồn Tôn-Thốc, *Sơn cư tạo thuật* của cụ Bùi Tôn Am, bộ *Kiến văn lục* của cụ Trình hiệu-Lan-tiêu ngư giả, v. v . . . Sau này có các quyển *Tang thương ngẫu lục* của cụ Phạm Đình-Hồ và Nguyễn An ; *Công hạ ký văn* của cụ Trương Quốc-Dụng ; *Bản-quốc dị văn lục* v. v . . . cùng đều thuộc về loài truyền kỳ. Duy chỉ có quyển *Tân truyền kỳ lục* của cụ Phạm Lập-Trai Qui-Thích là có nhiều ngụ-ngôn, như truyện *Bản gia nghĩa khuyên*, *Vũ trùng giốc thắng*, v. v . . . vì cụ sinh vào cuối Lê gặp hồi Tây-sơn, phải mượn vật mị nói người đời. Về hồi gần đây vào khoảng Đồng-khánh cụ Phạm Đình-Dục có làm bộ *Văn-nang tiểu sử*, cũng chép theo lối *Truyền kỳ*.

(Còn nữa)

TRẦN VĂN-GIÁP

Mỹ-từ'-pháp trong văn-chu'o'ng Pháp và văn-chu'o'ng Việt-Nam

VŨ BỘI-LIÊU

TRONG bài «Mùa xuân trong thơ Đường» của ông Phan-Anh đăng độ vừa rồi, tôi đã đọc mấy câu thơ này:

Đã khước hoàng oanh nhi,
Mạc giao chi thượng đề;
Đề thời kinh thiếp mộng,
Bất đắc đáo Liêu-tê.

Bài Đường thi đó đã nhắc tôi nhớ đến một đoạn văn của Alphonse Daudet trong thiên truyện ngắn «Les étoiles» (Những vì sao) một truyện đầy văn chương và thi vị. Tác giả tả nỗi buồn man mác mà sự biệt ly đã đeo vào tâm hồn chất phác một gã chăn chiên núi Luberon, khi cô Stéphanette — người anh yêu — đã rời chân xuống núi, để anh ta ở lại với nỗi nhớ nhung cùng cảnh đời hiu quạnh:

« Khi nàng đã xuống khuất con đường dốc, tôi — nhờ người chăn chiên kể lại — tôi tưởng chừng như những hòn đá cuội lăn dưới vó lừa, rơi từng viên một vào trái tim tê tái của tôi. Tôi còn nghe thấy những tiếng ấy mãi mãi, và đến lúc chiều tà, tôi vẫn đứng yên như người dờ tỉnh dờ say, không dám động dậy, chỉ sợ làm tan mất giấc mộng mà thôi. » (Lorsqu'elle disparut dans le sentier en pente, il me semblait que les cailloux roulant sous les sabots de la mule, me tombaient un à un sur le cœur. Je les entendis longtemps, longtemps et jusqu'à la fin du jour, je restai comme ensommeillé, n'osant bouger, de peur de faire en aller mon rêve).

Người thiếu phụ của nhà thi sĩ Đông phương cũng thế. Nàng sai đuổi con chim hoàng oanh đi, không cho hát trên cành, sợ nó làm tỉnh mộng không sang được Liêu-tê với người yêu. Hai nhà văn ở tận cùng hai thế giới, cách biệt nhau về tư tưởng và tinh thần, cũng như xa nhau về thời gian lẫn không gian, tình cờ đã gặp nhau trong lúc

mô tả một trạng-thái trong tâm hồn. Không phải một lần này mà thôi đâu. Lý Thái-Bạch kể tâm sự người đàn bà xa chồng đã viết:

«Đương quân hoài qui nhật, Thị thiếp đoạn trường thi; Xuân phong bất tương thức, Hà sự nhập la vi.» (Đương khi chàng mong ngày về, Thiếp ở nhà đau lòng, Gió xuân không quen biết, Có chi vào màn the).

Mười mấy thế kỷ sau, trong thiên truyện ngắn «Le passé» đã dịch đăng ở báo «Gringoire» bên Pháp, ông Gabriele d'Annunzio cũng viết mấy câu ngày:

« Chiều nay, buồn rầu, tôi nhớ đến người yêu ở nơi đất khách. Chàng đã hẹn ngày về, Có sao mãi chẳng thấy. Kia làn gió nhẹ thổi. Ta không quen biết mi, hỡi gió, có sao mi vào tận giường ta? »

(Ce soir, tristement, je pense à lui. Il a annoncé son retour, pourtant je l'ai attendu en vain. Voilà qu'une légère brise souffle. O vent, inconnu qui pénètre dans ma chambre, pourquoi viens-tu jusque dans mon lit?)

Nhà thi sĩ Trung-hoa sống từ thế kỷ thứ 8, chắc không ngờ rằng, hơn một nghìn năm sau, ở tận trời tây xa lắc, một nhà văn Ý đại-lợi sẽ viết những câu lạ thay, giống thơ mình cả từ lẫn ý. Phải chăng d'Annunzio đã đọc Lý Thái-Bạch? hay là tại Đông phương và Tây phương gặp nhau... trong văn chương?

Sự gặp gỡ ấy, tôi đã nhiều lần nhận thấy trong văn chương Pháp và văn chương Việt-nam, và rõ rệt nhất là ở mỹ-từ-pháp của hai xứ, dưới đây sẽ xin nói tường tận.

Nhưng muốn tránh một sự hiểu lầm, tôi phải nói ngay bài này không có chủ ý bày tỏ rằng văn chương Việt nam có giá-trị vì cũng đủ các cách dùng trong mỹ-từ-pháp như văn chương nước

người. Có hay không, tưởng cũng chẳng phải là một điều cốt-yếu, vì ông Nguyễn-Du dù sao vẫn là ông Nguyễn-Du, và một anh «thợ thơ» dẫu có công gọt rửa đến đâu nữa, cũng chỉ là một anh «thợ thơ» mà thôi. Không, giá-trị văn chương chẳng phải do sự thực hành mỹ-từ-pháp mà ra. Nhiều nhà đại văn hào như Edmont About, George Sand, Anatole France, Ernest Renan, không hề để ý gì đến những lối từ-chương hoa mỹ ấy. Cố gò găm lăm thường mất cả vẻ tự nhiên, và chỉ tạo nên một thứ văn cầu kỳ, hào nháng bề ngoài mà thôi. Nhưng trái lại, nếu theo Ernest Renan mà bảo: « Một tác phẩm hoàn toàn, là một tác phẩm trong ấy không thấy một tí dấu vết gì của mỹ-từ-pháp » tưởng cũng là câu nói quá đáng. Nhiều áng văn chương của Chateaubriand, Rousseau hay Bossuet được công nhận là kiệt tác, chính vì đã dùng một cách điêu-luyện vài lối trong mỹ-từ-pháp đó.

Chủ ý tôi viết bài này không ngoài mục đích kể một sự gặp gỡ của Đông phương và Tây phương trong văn chương.

Nhưng tôi lại còn muốn nhân cơ hội ấy cùng các bạn dạo chơi vài giờ đồng hồ trong vườn văn chương Pháp và Việt-nam và nhân tiện nhắc đề các bạn nhớ rằng ngôn ngữ mình cũng phong phú, văn chương mình cũng tuyệt diệu, chẳng kém gì ngôn ngữ văn chương nước khác.

Những khi chúng ta ca tụng khâm phục một câu văn đối ngẫu (antithèse) thuyết vời của Victor Hugo, hay say sưa trước một «hình ảnh» (image) đầy thi vị của Chateaubriand, ta thường quên lãng mất rằng những cách dùng chữ đặt câu tài tình của các nhà đại văn hào phương Tây ấy, văn ta không thiếu gì, và một văn thơ trác luyện của tác giả truyện Kiều, của cô Hồ Xuân-Hương, Thế Lữ, có thể đem đề bên cạnh một câu văn tuyệt bút

của Lamartine hay George Sand mà không hổ vậy. Ông Roland Dorgelès đã nói: « Người Nam là một dân tộc học thức, tài hoa có một, phàm những khốe tài tình của trí tuệ không gì là không có ». Nhờ phán đoán ấy tưởng cũng không ngoa.

I

Lối đối-ngẫu (antithèse) của người Pháp và văn biên-ngẫu của ta

Trong văn Pháp, có lối đối-ngẫu (antithèse), thì văn ta cũng có lối biên-ngẫu.

Dưới đây ta thử đem ra so sánh hai lối, xem khác nhau ở chỗ nào, và giống nhau về chỗ nào.

A

So sánh «antithèse» của Pháp và lối văn biên-ngẫu của ta

a)

Ý và từ trong văn «đối ngẫu» và «biên-ngẫu»

Lối «đối-ngẫu» (antithèse) của Pháp chú trọng về ý hơn là về từ, thường là sự đối chọi của hai ý tưởng tương phản (le choc de deux idées contraires). Ta cứ đọc mấy câu này sẽ rõ: « Chúng ta đuổi theo hạnh phúc, nhưng chỉ tìm thấy sự khổn khổ, và sự chết ». (Nous cherchons le bonheur et ne trouvons que misère et mort Pascal) — Một người đàn bà đẹp làm cho vui mắt, một người đàn bà tối làm cho vui lòng; người kia chỉ là một vật trang sức, người này mới thật là một kho báu vô ngần. (Une belle femelle plaît aux yeux une bonne femme plaît au cœur; l'une est un bijou, l'autre est un trésor: Napoléon) — Ta đừng đợi được sung sướng rồi mới cười

như thế, có khi chết mà vẫn chưa được cười (Il faut rire avant d'être heureux de peur de mourir sans avoir ri, La Bruyère). Một nhà văn Pháp đã nói: «Làm văn không nên cầu kỳ tìm những chữ thật đối nhau, «đối-ngẫu» là ở trong tư tưởng chứ không phải ở trong cách dùng chữ.»

Ông Victor Hugo đã viết bài này, đề nhạo những người cố tìm tòi chữ cho thật đối chọi, nhiều khi chỉ tạo ra những câu văn vô nghĩa lý:

« Một ngày kia đương lúc đêm tối, sấm yên lặng nổi lên cùng những luồng chớp nhoáng tối tăm. Vì giờ tối, và tôi đang đứng nằm, ngủ thừ, ngồi vắt vẻo trên một cành cây, nên khi nhắm nghiền mắt lại để nhìn qua mặt giờ, tôi bỗng thấy một làn ánh sáng tối om. Chân đội mũ, đầu đi giày, tôi vừa mặc quần áo, vừa hai tay dứt túi quần. Sau, buộc xe vào bốn con ngựa lông đen như tuyết, và trắng phau phau, như củ súng, tôi đi bộ ngồi trên xe ngựa và bơi qua núi Mt Blanc. Bất thình lình một người nước chim chích thân hình to lớn như ông hộ pháp, lại gần cách xa tôi, vừa giang hai tay chặn lối không cho tôi đi, vừa chạy bán sống bán chết. Tôi vội vàng vớ lấy khẩu súng bắn nó, nhưng tôi ngắm kỹ quá, đến nỗi viên đạn trượt ra một bên. Nó âu yếm nhắm lưng tôi đâm một quả thật mạnh vào mặt... »

— Còn phép làm văn «biên ngẫu» của ta thế nào? Thế nào là đối? «Đối là đặt hai câu, đi sóng đôi cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng nhau. Vậy trong phép đối, vừa phải đối ý, vừa phải đối chữ» — (Dương-quảng-Hàm). Sự khó khăn là đối phải chú trọng về hai phương diện: «Thanh» của chữ và «loại» của chữ. Về «thanh» thì bằng đối với trắc, trắc đối với bằng. Về «loại» thì hai chữ đối nhau phải cùng thuộc về một tự loại, như danh tự (nom), phải đối với danh tự, động tự (verbe, đối với động tự, trạng tự (adverbe) đối với trạng tự v. v... và nếu có đặt chữ nho thì phải chữ nho đối chữ nho.

Phép đối là cái đặc tính của văn ta. Không những trong các thể vận văn và biên văn phải dùng cách ấy, mà ngay trong văn xuôi, tuy không cần đối từng câu từng chữ, nhưng nhiều khi cũng phải dùng đến thì câu văn mới được cân và êm ái.» (D. q. Hàm)

Ta xem thể thì «antithèse» của Pháp giống lối văn xuôi cổ của ta hơn là lối biên-ngẫu, vì không hề bị câu thúc trong những khuôn phép khác khổ. Trong «antithèse», tiếng cũng thường đặt cho giống đôi, nhưng câu không cần đối hẳn. Ví dụ trong câu thơ của Corneille: «Tay người chưa ai địch nổi, chứ không phải chẳng ai địch được» chỉ mấy chữ «chưa ai địch nổi» và «chẳng ai địch được» là đối nhau thôi.

Tuy thế có chỗ giống nhau là trong văn «biên ngẫu» ta cũng phải hết sức chú trọng đến «ý», như người Pháp viết «đối ngẫu», nếu không

chẳng khác gì anh chàng nọ đối mấy chữ: «Thiên hạ quốc gia» bằng câu: «Địa trung cày thịt», hay là: «Chùa Non-nước, trên non dưới nước, non non nước nước, nhất vui thay là phố Vân-sàng» đem đối bằng câu: «Núi Già-cơm, trong già ngoài cơm, già già cơm cơm, ba buồn nhẽ là phường Vả-mệt».

Ta xem đoạn này trong bài hịch của ông Trần-quốc-Tuấn thật là một áng văn tuyệt tác, hay cả về tư lẫn ý:

«...Ta cùng các người sinh ở đời nhiều nhương, gặp phải buổi gian nan này, trông thấy những nguy sứ đi lại rầm rập ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ... Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ cảm tức rằng chưa được sả thịt lột da quân giặc, dẫu thân này phơi ngoài nội cỏ, sắc này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng... Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo, trông thấy quốc sỉ mà không biết thẹn; thân làm tướng phải hầu quân giặc, mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiển nguy sứ mà không biết căm; — hoặc lấy chuyện chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển; hoặc vui thú về vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ con; hoặc nghĩ về lợi riêng mà quên việc nước, hoặc ham sẵn bản mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon hoặc mê tiếng hát. Nền có giặc đến thì cựa gà trống sao cho đâm thủng được áo giáp; mọ cò bạc sao cho dùng được quân mưu; và lại, vợ biu con diu, nước này trăm sự nghĩ sao, tiền của đâu mà mua cho được đầu giặc; chó săn ấy thì diệt sao nỗi quân thù; chén rượu ngon không làm được giặc say chết; tiếng hát hay không làm được giặc điếc tai...»

b)

Văn đối-ngẫu với lối bình đối, tiểu đối của ta

Ta nhận thấy rằng lối đối ngẫu của người Pháp giống lối tiểu đối của ta hơn là lối bình đối, vì thường thường hai đoạn đối nhau trong một câu.

1.) *Tỉ dụ trong văn Pháp.*

— Đi đâu tôi cũng tránh mặt chàng, ở đâu chàng cũng rồi theo tôi (Je l'évite partout, partout il me poursuit, Racine).

— Thần chết đã cướp hết của tôi, thần chết sắp phải giả tôi tất cả (La mort m'a tout ravi, la mort va tout me rendre: Lamartine).

(Adieu, sois son trésor, toi qui fus le nôtre. Va, mon enfant chérie, d'une famille à l'autre. Emporte le bonheur, et laisse nous l'ennui. Ici on te retient, là bas on te désire... Sors avec une larme, entre avec un sourire.)

(Xem tiếp trang 27)

(Tiếp theo)

Chương trình hành động.

a) Tình cách chương trình ấy :

Chương trình hành động có hai phần : phần lý thuyết mục đích là giáo dục vệ-sinh thôn quê, phần thực hành mục đích giúp cho dân quê tự thi hành lấy những công cuộc vệ-sinh.

Chia chương trình như vậy, không phải để làm hai phần mỗi phần một thời kỳ khác, trái lại, hai phần ấy phải luôn luôn đi đôi với nhau. Và muốn thế, ta phải luôn luôn thiết thực nghĩa là chỉ giấy bảo cho dân quê những điều sơ sài giản-dị mà họ có thể thi hành được, thi hành tùy theo hoàn cảnh từng người. Xin lấy một thí dụ : Ăn rau sống. Trước hết, ta cần giải cho tất cả mọi người hiểu rằng rau sống ăn không cần thận rất nguy hiểm. Lúc trồng rau, người hàng rau chỉ muốn cho rau to và tươi tốt ; bán cho dễ và đắt, họ chẳng quản dùng phân tươi, nước tiểu. Vì vậy, trên lá rau, trong kẽ lá, cành rau, là những nơi chứa vi trùng bệnh lỵ, bệnh tả, bệnh thương hàn. Nếu ăn không tìm cách rửa cho kỹ lưỡng thì mắc bệnh một cách dễ dàng. Sau khi ai ai đã hiểu và đã biết, sự nguy hiểm, muốn tránh ta phải làm thế nào ? Bảo họ phải rửa dưới một giòng nước mạnh kỹ càng từng lá rau, sau ngâm vào thuốc tím trong 20 phút. Cách này có lẽ chỉ có một vài nhà giàu có trong làng làm vì tuy thuốc tím rẻ thật song người nhà quê há tiện từng xu và lại không muốn đi lại phiền phức vì chưa có tập quán. Vậy trừ những nhà có thể mua thuốc tím ngay được ta nên khuyên họ dùng nước sôi, hay trong một thời kỳ, không ăn rau sống nữa, ăn toàn thức chín. Trong khi ấy, họ nên cẩn thận trong cách trồng rau, đừng nên dùng, phân tươi, và phải dùng phân ủ, lúc tưới phân đừng nên đổ lên cây rau. Và dần dần ta tìm mọi cách cho họ mua thuốc tím một cách tiện lợi và dễ dàng. Ví dụ như tìm một người giàu có, trong làng xuất vốn mở một hàng bán các thứ thuốc tây tối cần một cách rẻ tiền.

Vì công việc của ta là một công việc rất khó khăn và tốn nhiều công phu, ta nên đi dần dần. Trước hết ta nên chọn một làng nào gần tỉnh lỵ, tiện đường đi lại, trong làng gọi là trừ phú nhiều dân anh có học và hiểu biết. Ta cố dần dần thi hành chương trình của ta. Nếu có kết quả, làng ấy sẽ là cái «phần tử vệ-sinh» thứ nhất của ta. Công cuộc sẽ từ đây lan ra chung quanh. Và tuần tự bành trướng khắp trong nước. Ngoài ra, ta lại nên nhận xét rằng : công cuộc của ta có kết quả được chỉ khi nào dân chúng tin ta và theo ta. Muốn vậy, nếu ta chỉ chăm vào việc phòng bệnh không, không đủ ; Vì cái kết quả không hiển nhiên ngay cho thiên hạ thấy được một cách dễ-dàng.

VỆ-SINH Ở THÔN QUÊ Vũ Văn Cận

Ta phải lo đến chữa bệnh nữa. Nhưng đây là một điều rất khó giải quyết. Vì nếu trong việc phòng bệnh có thể đem sự tận tâm thay tiền của được, trong việc chữa bệnh không có tiền không thể thi hành được. Ta có thể trông vào quỹ làng và lòng từ thiện của các dân anh giàu lấy một món tiền hàng năm để lập một-phòng thuốc nhỏ được không ? Tưởng chỉ có cách ấy mới có tiền một cách vững bền. Và tiền tiền như vậy tưởng cũng, không phải là phi phạm như những việc hội hè, đình đám, khao vọng.

b) Trong chương trình có những gì ?

Trước hết ta phải lập một ban tổ chức (1),

Nếu trong làng có một y-sĩ hoặc bác-sỹ thì hay nhất, mà nếu không một nhà thuốc nhiệt tâm sẽ đứng đầu trông nom. Những người giúp việc khi mới tổ chức sẽ là những sinh viên trường thuốc và những hương đạo sinh. Công việc làm của ban tổ chức là :

a) Lập một ban khảo sát về các vấn đề vệ-sinh trong làng, Lập các bản thống kê.

b) Lập một ban vệ-sinh.

c) Lập một ban trông nom tiêu-nhi và Sản phụ.

d) Lập một ban y-tế.

e) Lập một lớp huấn-luyện nhân viên vệ-sinh.

A) Công việc ban khảo sát vệ-sinh trong làng.

Xem xét trong làng có điều gì khuyết điểm về vệ-sinh chung :

Trường học, ấu-trĩ viện, nhà hộ-sinh, chợ, đường xá của làng, cống rãnh, ao v...v...

Sau khi xem xét tường tận, tìm cách bỏ cửu cho thiết thực, để thi hành, lập tờ trình, ban tổ-chức sẽ bàn với hương chức trong làng tìm cách đối phó.

(1) Trong làng mà ta chọn làm «phần tử vệ-sinh» thứ nhất công việc ban sau đây chỉ là trọng phạm vi của phần tử ấy thôi.

B) Công việc ban vệ-sinh.

a) Tổ chức những cuộc nói chuyện về Vệ-Sinh thường thức cho dân làng, và cho hương chức cùng các người có học. Trình độ bài nói chuyện sẽ tùy theo học lực người nghe :

Cho toàn dân làng ta sẽ nói về sự ích lợi trước mắt của Vệ-sinh ;

Với hương chức, ta nên chú ý tới cách tổ chức vệ-sinh ;

Với các người có học-thức trong làng (giáo học, cùng các công-chức...) ta lại chú ý về cách truyền bá và giáo-dục vệ-sinh.

b) Tổ chức những cuộc trưng bày tranh ảnh về vệ sinh

c) Tổ chức những cuộc thăm vệ-sinh. Việc này rất quan hệ, có lẽ là căn cứ của tất cả công cuộc vệ-sinh ở thôn quê. Cách này rất thông-dụng ở Nam-dương quần-đảo. Trong mỗi làng ta chia từng khu vực. Mỗi khu gồm mấy nhà. Ta sẽ giao mỗi khu vực, cho một số người chuyên môn nhất định. Công việc họ là đi từng nhà, làm thân với dân làng, dẫn giải mọi điều về vệ-sinh. Mỗi tuần họ lại một hay hai lần. Mỗi lần họ nói chuyện về một vấn đề, theo một chương trình đã định trước. Thí dụ : Vệ-sinh nước uống, thức ăn, quần áo, nhà ở, bếp, chuồng nuôi súc vật, cống rãnh. Cách phòng bệnh : thương hàn, đậu mùa, đau mắt, sưng mắt. Cách nuôi con, Vệ-sinh sản phụ . . . Ngoài ra trong lúc giao thiệp gặp sự gì, thấy điều gì có liên can tới vệ-sinh là phải lập tức nêu lên mà bàn luận với gia đình ấy. Làm sao cho họ tin cần, họ sản sóc tới công việc mình tự họ cũng muốn bàn luận. Đó là một điều rất khó, nhất là ở xứ ta ; người dân quê rất kín đáo, không ưa bàn luận.

Sau nữa họ sẽ mang bài và tranh truyền bá vệ-sinh và tân y học của ban tổ chức ấn hành, phát cho từng nhà, dẫn giải thêm vào cho ai nấy được hiểu thấu kỹ càng.

Mỗi khi đi thăm về, mỗi người phải ghi chép những điều nhận xét, làm một tờ trình mang về cho ban tổ chức.

Muốn cho công việc ấy có hiệu quả, những người làm việc phải là những người mà dân-làng đã quen biết, có thể tin được, nghĩa là người cùng làng. Đó là ý nghĩa của lớp huấn luyện nhân viên vệ-sinh sẽ bàn sau.

Công việc những người này quan hệ lắm. Vì chính họ sau này sẽ là những người hướng dẫn của từng gia-đình. Họ sẽ dần dần khuyên nhủ cho dân thực hành những điều vệ-sinh theo tài-lực từng gia-đình.

C) Công việc ban trông nom tiểu nhi và sản phụ.

Vì trẻ con và đàn bà là một vấn đề quan hệ có

liên can đến nòi giống, tương lai của xã tắc, nên phải có một ban riêng, chuyên-môn trông nom. Nếu được các cô đỡ giúp vào việc này thì hay mà nếu không, tất phải nhờ đến sinh-viên trường thuốc.

Công việc của họ là :

a) Trông nom cho trẻ con nhất là lúc mới sinh khuyên bảo người nhà nuôi, giầy theo phương pháp vệ-sinh thực hành.

b) Trông nom sản-phụ, khám trước và sau khi sinh để tránh những biến chứng nguy hiểm. Nếu làng có nhà hộ sinh rồi thì rất giản tiện. Nếu không có ta nên hoặc trừ tình với đàn anh trong làng lập một nhà hộ sinh ; mà không thể được nữa, thì làng ở gần tỉnh, ta nên khuyên những sản phụ tới nhà thương tỉnh mà sinh nở.

Đàn bà ta rất cầu thả về việc này, vì họ tự nghĩ «trời sinh trời dưỡng» nên trong thời kỳ thai-nghén không giữ-gìn gì, vẫn làm ăn khó nhọc, như không bao giờ nghĩ tới cái trọng trách đang nuôi dưỡng một cái sinh-mệnh nữa trong mình.

Nếu có thể được, ta lập ở trong làng một quỹ bảo-hộ tiểu-nhi và sản phụ để tư cấp cho những gia-đình nghèo khổ.

Sau nữa tổ chức ấu-trĩ viên cũng là một vấn đề quan hệ nên bàn luận với hương hào.

D) Công việc ban y-tế

Ban này tất nhiên phải giao cho những người chuyên môn đã có học thuốc « bác-sĩ, y-sĩ, sinh-viên, y-tá ..). Nếu trong làng đã có phòng thuốc, ta sẽ tổ chức lại và giúp người đứng trông nom.

(Xem tiếp trang 30)

SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

Tản Đà tản văn của Nguyễn-khắc-Hiếu,

Giá 0p.90.

Mộng và thực của Giảo Chi, giá 0p.45.

Người giết chồng tôi của Từ Thạch, giá 0p 35.

Lỡ bước sang ngang của Nguyễn Bính,

giá 0p.70

Mấy cuốn sách đó đều do Hương-Sơn xuất bản.

Đồng bệnh kịch ngắn của Khái Hưng, do Đới Nay xuất bản, giá 0p.80.

Kinh cầu tự của Huy Cận, do nhà xuất bản Mới Giá 0p.85.

Tiểu-nhiên Mị-Cơ của Vũ-ngọc-Phan, do nhà xuất bản Mới, giá 1p.25.

Bóng hạnh-phúc tập hai của Lê-văn-Trương, Cộng Lực xuất bản, giá 0p.60.

Tôi học chữ Hán của Thiện Chiếu, Nam-Cường Thọ-Xa xuất bản.

Xin trân trọng cảm ơn các nhà gửi tặng và giới-thiệu cùng độc-giả.

(Tiếp theo)

Q Uì càng nghĩ, càng thấy sồn sào. Có thể như vậy lắm, những lúc đi đến Huy, nàng đã hết sức cẩn thận, nhưng biết đâu chẳng có điều sơ ý để người ngoài biết. Một lần, quên mình trong tay Huy, nàng đã về khuya quá. Người chị còn thức, tuy không nói gì, nhưng hình như để ý. Càng nghĩ, Quì càng thấy chắc lắm. Chị nàng yên lặng, là vì muốn kín đáo dò nàng. Con người ấy vẫn nham hiểm.

Nếu đèn sáng hơn, thì hai người ngồi đối diện đã thấy nét mặt Quì tái dần. Người chị mà rõ chuyện, thì nàng biết làm sao? Nàng hơi yên tâm, khi bà Mậu nói với mẹ:

— Để nên bảo cậu Giáo về ở nhà. Mua lấy một cái xe nhà, nuôi một thằng xe. Ngày ngày nó kéo xuống trường, sáng đi, tối về, mười cây số xa là mấy. Buổi trưa ăn cơm ở dưới ấy, tối ăn ở nhà. Chứ để ở nhà vô-võ một mình, không tiện.

Bà cụ trả lời, giọng rầu rầu:

— Nó yếu lắm, đi thế không tiện. Nàng ráo đã vậy, lại còn những ngày mưa gió, rét mướt, nhờ nó ôm một cái thì lại khổ. Tôi già rồi, thế nào chịu cũng được. Và nhà tuy vắng, nhưng được yên tĩnh thì cũng không thấy khó chịu.

Bà cụ thở dài, có vẻ nhẩn nại của người đàn bà thương con cái đến quên cả thân mình. Hay là người chị không ngờ việc gì, chỉ muốn nàng ở đây cho mẹ đỡ buồn, mà vì nàng quá đa nghi nên nàng tưởng là việc nàng đã lộ.

— Gì?

Quì không biết mẹ vừa nói gì. Bà cụ tiếp:

— Cho nó lên với cậu nó, ở nhà chẳng có công việc gì, mà bố con nó nhớ nhau. Thỉnh thoảng có về chơi, thì ở một vài ngày thôi, chứ ai lại bền biệt như thế?

Về với Mậu, đó lại là chuyện khác. Ít lâu nay, Quì khổ lòng mà không giải quyết nổi việc ấy. Những lúc gần Huy, nàng tưởng bỏ ngay được Mậu. Về đến nhà, trông thấy đứa con, nàng lại thấy việc ấy khó. Quì không còn yêu gì Mậu, và thật lòng yêu Huy, đó là lẽ dĩ nhiên. Nhưng nàng vẫn phân vân, có một lẽ gì ngăn nàng làm cái việc quyết liệt là bỏ Mậu. Quì hứa với Huy, rồi lại lần chần ngày nọ sang ngày kia. Sau đêm gặp nhau ở vườn hoa, Quì gặp Huy ở chỗ chàng ở, một gian nhà ẩm cúng, sinh sản. Khi đã không từ chối chàng một điều gì, Quì quả quyết hứa với

Đ Ú' A C O N

Tiểu - thuyết của
ĐỒ ĐỨC - THU

Huy rằng sẽ bỏ Mậu để sống với chàng một cuộc đời mới. Nàng thấy cuộc đời ấy đẹp đẻ vô cùng, đúng với ý nàng vẫn ao ước. Về đến nhà, Quì lại thấy do dự. Đã do dự một lần, thì thành do dự mãi, rồi việc tưởng dễ dàng thành khó khăn, đến không thể nào làm nổi. Đã có lần Huy bảo Quì:

— Không thể nào lần lút thế này. Phải cho ngã ngũ hẳn. Chỉ lần lút yêu nhau, không khác gì một chuyện dâm dăng. Không nên cho

tình ái chúng mình ý nghĩa ấy. Một ngày kia, thế nào người ta cũng biết, không thể giấu được mãi, mà mình không cần phải giấu diếm ai. Em nên bỏ hẳn ngay Mậu, không phải mang tiếng lừa dối hẳn.

Quì không hiểu biết ý Huy. Biết Huy yêu nàng, người con gái cho là đủ lắm, tưởng chừng sống như thế được mãi. Nhưng lúc cùng Huy bàn chuyện về sau, Quì cũng thấy lời Huy là đúng, nàng cần phải bỏ Mậu. Người chồng, đối với Quì, bây giờ cũng không là một sự cản trở, nên nàng vẫn sẵn lòng quên, Huy nhắc mới nhớ tới. Nhưng Quì cũng chưa dám làm cái việc quyết liệt là bỏ hẳn Mậu. Huy không muốn ở trong cảnh lần lút ấy mãi, giục Quì, thì người con gái lại càng thấy phân vân. Như Nhung, người đàn bà góa, thật lòng yêu Nghĩa (1), mà vẫn sợ dư luận, lại mong tới một bước đường cùng, như chuyện vỡ lỡ, hoặc có mang với Nghĩa, để bắt buộc phải liêu, Quì cũng lơ mơ mong như vậy. Có thể họa chàng mới hết do dự. Quì hỏi lại Huy:

Đã đành là bỏ Mậu. Nhưng còn thằng Tinh, anh bảo làm sao?

Đến lượt Huy phân vân:

— Cái đó tùy em. Để Tinh cho Mậu nuôi, hoặc em giữ lấy Tinh. Anh tưởng để nó cho Mậu hơn.

— Nhưng...

Quì không nở lòng, không đủ can đảm rời đứa con. Nó cũng là khí huyết của nàng. Mang nó theo vào cuộc sống với Huy, một cuộc đời nàng muốn hoàn toàn mới, Quì thấy không tiện. Một tang chừng những cái muốn quên xé luôn luôn trước mắt, giữa nàng và Huy. Mà Huy như cũng không bằng lòng như vậy. Quì thấy đứa con làm phiền cho nàng lúc này. Đừng có Tinh, nàng đã được thanh thoi, để khu xử biết bao.

Chuyện cứ quanh quẩn như vậy. Một ngày lại

(1) Xem Lạnh-Lùng, tiểu thuyết của Nhất-Linh.

một ngày, Quì vẫn do dự, và Huy giục nàng giải quyết cho xong,

■

Bà mẹ tiếp :

— Hôm nào chị ngược, thì cho mẹ con nó lên nhân thể. Đến ít nữa nghỉ hè, cậu giáo về ở nhà, thì tôi cũng lên chơi trên ấy ít ngày.

Bà Mậu nói :

— Vâng, thỉnh thoảng mời để lên chơi, cũng gần đến ngày nghỉ rồi. Hay cô Quì chưa muốn lên ngay, thì đợi rồi mai kia đi với để. Còn con, thì nay mai con phải về.

Quì thấy chị không có vẻ tha thiết cần nàng lên lắm. Lại muốn về ngay với chồng. Chắc họ đã lại an ý với nhau. Nếu thế, thì mong nàng ở xa là phải. Quì như lại thấy tức với Mậu.

Bà mẹ nói với người chị, một câu Quì không rõ nghĩa :

— Ủ, chị cũng liệu về trên ấy, mà cũng đừng nên đi đi, về về nữa. Xem có ông lang nào hay, thì mời đến nhờ cắt thuốc cho. Phải giữ gìn cho cẩn thận.

Chung quanh như giấu Quì những việc gì, mà nàng không có quyền biết. Thái độ mỗi người như có chuyện bí ẩn, những lời nàng đoán đều sai. Người chị cúi mặt, như tư lự một điều gì. Quì tự nhủ : « Muốn giấu thì cứ giấu. Mình cũng không cần biết. Chỗ mình đâu phải ở đây ? Cuộc đời là mình phải ở với Huy... » Nàng muốn đi tìm ngay Huy. Lúc này, là lúc cần phải giải quyết chuyện của hai người. Quì không muốn dùng dằng thêm ngày nào gần Huy, nàng sẽ có đủ can đảm định liệu.

Trời đã tối được một lúc, chắc Huy đang đợi nàng. Nàng không cần giữ gìn, đừng dậy mặc áo. Bà mẹ hỏi :

— Cô đi đâu đấy ?

— Con lại đằng này một lát.

— Liệu mà về cho sớm.

Bà Mậu, yên lặng, nhìn Quì đi ra ngoài.

XIX

Huy đón Quì vào, đóng lại cửa, rồi lại đến ngồi trước bàn viết :

— Quì đợi anh một tí, anh đang viết dở cái này.

— Được, anh cứ viết đi.

Quì đảo vào gian buồng trong. Gian buồng vẫn y nguyên như lần trước nàng đến, không một dấu vết gì khác. Gia đình Huy ở nhà quê. Nhà này, chàng thuê từ hồi đi học ở ngay trường tỉnh, ở nhà quen, và gia không là bao, nên tuy sau này đi học xa, Huy vẫn giữ chỗ đó, thỉnh thoảng về nghỉ ngơi vài ba ngày, tránh lánh ồn ào ở Hà-nội.

Quì quay ra, đứng sau ghế Huy. Nàng đang nghĩ đến câu chuyện sắp phải nói với Huy. Lần

này, thì cần phải giải quyết cho xong, không còn thể dùng dằng được. Nàng xê bỏ Mậu, để sống với Huy. Huy xê đưa nàng đi một nơi xa xôi nào để quên hết cả việc cũ, tránh đều tiếng. Quì thấy việc đó rất tự nhiên như đã bàn định xong xuôi cả. Còn đưa con... kể cũng khó nghĩ. Hoặc là nàng sẽ để nó cho Mậu. Đã muốn dứt với cuộc đời cũ, thì nên rút hết. Sau này, nàng xê có con với Huy, những đứa con của tình ái, đẹp đẻ, khác khinh, mà nàng xê hết sức yêu quý. Để con lại cho Mậu, Quì cũng thấy nao nao, nhưng nàng cũng lơ mơ cảm thấy rằng mang Tinh đi thì lại càng không ổn. Mậu, chị nàng, bà đẻ ra Mậu. Những người ấy chắc không khi nào chịu. Về việc này, nàng xê bàn kỹ với Huy, nàng tin rằng Huy xê có tài giải quyết. Không tự mình định được. Quì thấy chỉ theo ý Huy là hơn cả.

Huy vẫn ngồi viết, đầu cúi xuống bàn, ngòi bút thoăn thắt trên một tờ giấy rộng đã đầy những chữ. Ngoài phố không có tiếng gì dội vào, trong nhà cũng im lặng. Chỉ có một chiếc đèn dầu, lại có chao hắt ánh sáng xuống bàn, nên Quì đứng trong bóng tối. Nàng nhìn cái gáy Huy lơ mờ trắng. Đã bao lần Quì quàng cánh tay vào cái gáy ấy, vót đầu Huy vào ngực nàng. Bây giờ, nàng thấy nó xa lạ, nàng tò mò nhìn mấy cái chân tóc mới cắt dựng đứng.

Huy vẫn viết, như quên có Quì đứng sau. Quì đợi như đã thấy lâu, khó chịu. Nàng cố cho có dáng vui vẻ, hỏi :

— Anh viết gì mà viết nhiều thế ? Lại viết thư cho cô nào hử ?

Huy cười :

— Đúng rồi. Đã ghen rồi kia à ? Tôi viết cho cô Quì đây.

Quì cũng cười :

— Ai thêm ghen. Xem nào ?

Huy ngả người ra lưng ghế. Quì cúi xuống tờ giấy, thấy toàn những giòng chữ Pháp. Có một vài chữ quen quen, đã học đến, nhưng nàng cũng chẳng hiểu là gì. Huy chầm một điệu thuốc lá, nắm cánh tay Quì nâng dậy.

— Quì để cho anh làm việc nốt một tí nữa. Chỉ một tí nữa thôi.

Huy lại cầm đầu viết. Quì đi lại mấy bước quanh đằng sau ghế :

— Hay anh bận thì em đi về nhà ?

Quì đã bực lắm. Huy buông bút, quay lại nhìn Quì, cái vẻ nhìn nó vẫn làm cho nàng lúng lúng. Quì vội thêm :

— Để anh làm việc tối mai em lại.

Một chút vui vẻ nhảy nhót trước mặt Huy. Chàng đứng dậy cầm lấy hai tay Quì :

— Sao lại về ? Anh đã bảo là gần xong rồi. Đợi anh một chút nữa thôi. Sao chưa chi đã đổi thế ?

— Em có đổi đâu ?

— Thế thì đợi anh một tí. Mấy tờ báo mới anh

vừa nhận được đây, em xem đi. Vài phút nữa, rồi anh nói chuyện cho mà nghe.

Huy đưa Qui vào buồng, đặt ngồi xuống cái giường thấp, vút vào lòng nàng mấy tờ tạp chí, hôn một cái khẽ vào má, rồi lại quay ra. Qui thấy cái hôn ấy kém về nồng nàn, chẳng có ý nghĩa gì. Nàng ngồi xích lại chiếc đèn ở đầu giường, đặt mấy tờ tạp chí lên đầu gối, lơ đãng giờ từng trang.

■

Khi đã yêu ai, người đàn bà không nghĩ đến gì, ngoài tình yêu. Một tình yêu đủ làm đầy đủ cuộc đời họ. Tình đó là then chốt cho cả cuộc đời một người đàn bà. Ngoài ra, những tình tình khác chỉ là phụ họa. Đàn ông không thế. Dù rất yêu, và rất thực lòng, họ vẫn có thì giờ nghĩ đến những chuyện khác. Ái tình không phải là lẽ sống duy nhất của họ. Còn danh vọng, tiền tài, chức phận... Ngoài việc giao thiệp với đàn bà, đời người đàn ông còn nhiều phức tạp hơn.

Người đàn bà không chịu nhận điều ấy. Thường thường, họ bắt người họ yêu phải nghĩ như họ, xử sự như họ. Người đàn ông cũng phải nhắc lại luôn những lời âu yếm, những anh anh, em em. Không thể, họ đâm ngờ vực, cho là giả phai lạt. Nhiều người con trai, chỉ vì muốn chiều tình nhân, đã đóng những vai kịch ấy. Để họ im lặng, chắc họ còn thành thực hơn. Rồi có khi vì thế mà đâm chán. Giây đàn lên căng quá thì đứt. Những cái đáng lẽ phải ủ ấp trong thâm tâm, mà cứ lời ra nhắc đi nhắc lại, cũng mất cả nghĩa lý.

Qui tưởng như nàng đến, thì Huy xẽ vồn vã chào đón, như mấy lần trước. Không. Chàng ngồi làm việc. Nàng đợi đã có đến nửa giờ, mà Huy chưa thôi viết. Thì ra chàng còn thích viết hơn gặp nàng. Phải người tình nhân họ nghĩ đến một chuyện khác hơn là nghĩ đến mình, Qui thấy động lòng tự ái. Nàng nhìn mấy cái tranh trên tờ báo, thấy mắt dần ý muốn bàn chuyện với Huy. Một phút đợi thêm, là thêm một chút do dự. Lúc Huy vào buồng, Qui không còn muốn nói.

Huy ngồi xuống mép giường, bên Qui :

— Thế nào ? Có chuyện gì không ?

— Không có chuyện gì cả.

— Thế chị Nga vẫn không nói gì đến Qui à ?

— À, có. Chị Nga hôm nay có nói đến chuyện ấy.

Qui liếc nhìn Huy, như để dò ý tứ chàng, tiếp :

— Chị ấy bảo em cho Tính về Bắc.

Huy nhìn cái tàn thuốc lá ở tay đã giải. Chàng gõ diếu thuốc vào thành giường cho cái tàn rơi xuống đất, thản nhiên :

— Thế em trả lời thế nào ? Đã định gì chưa ?

Huy nhìn đi nơi khác, một lối nhìn nghiêng nó vẫn giữ được người con gái trong nhón giới.

— Em ấy à ? Em cũng định nay mai cho Tính ngược.

Huy vút màu thuốc, lấy chân di nat. Chàng đứng dậy đi mấy bước trước nạt Qui, hai bàn tay nắm làm phồng túi áo. Một lúc lâu, chàng trả lời Qui giọng rất bình thản :

— Em nghĩ thế rất phải đấy. Nên cho Tính ngược, và cả em cũng nên về với Mậu.

— Qui tin ngay câu ấy, hết sức ngạc nhiên. Nàng chưa có định ý, định đến đây bàn với Huy. Nàng nói thế để thử lòng Huy, ai ngờ anh chàng nhận ngay, không một chút phản kháng. Chàng tán thành việc nàng về với Mậu ! Chàng tán thành ngay từ lời nói đầu tiên, không một ý muốn giữ nàng lại. Hoặc giả Huy đã chán nàng, muốn nàng về với Mậu để kết liễu một cuộc tình duyên nàng đã ngấy. Đàn ông họ vẫn vậy. Lúc đầu, họ vẫn như hết sức chung tình, nhưng rồi chẳng được bao lâu. Huy cũng như các người khác, Qui phan vân, đâm ngờ, rồi ngờ cả cái tình của Huy từ trước đến giờ.

Huy đã nằm ngang lên giường, chân buông xuống đất một tay vát lên trán, một tay để trong lòng Qui, nghịch với mấy ngón tay người con gái.

Chàng hỏi :

— Thế em định bao giờ ngược ?

— Độ nay mai, hôm nào chị Nga về thì em theo lên. Anh muốn cho em đi làm à ?

Nàng cố giấu vẻ tấm tức trong câu hỏi sau cùng. Huy cười :

— Ai lại muốn thế. Nhưng em đã muốn đi, thì anh giữ làm sao được ?

Qui nghĩ thầm : « Tại anh không muốn giữ đấy thôi ! Anh cứ thử giữ đi nào, xem em có ở lại với anh không ? Nhưng em biết rồi. » Nàng nói to :

— Em phân vân lắm. Ở cũng dở, đi cũng dở...

— Em còn phân vân kia à ? Xưa nay, em phân vân đã bao nhiêu lần rồi, bây giờ đến lúc chị Nga xuống đón em về, em đã bằng lòng, mà lại vẫn còn phân vân. Có lẽ suốt đời em, không bao giờ em quyết định được việc gì.

Đó là cái giọng của Huy từ hồi Qui chưa biết chàng. Đang nói những chuyện tâm sự mà giọng ấy ra, anh chàng thật rất đáng ghét. Nàng muốn rút tay lại, không cho Huy nghịch mấy ngón tay. Huy đã thông thả tiếp :

— Em là hạng người không có chủ tâm, bất cứ làm việc gì cũng phải có người định liệu hộ. Hay do dự, lại bướng bỉnh. Lúc nóng lên, làm bừa không nghĩ gì. Sau lại tña hồ mà hối.

— Ai làm bừa ? Mà hối cái gì ? Đã làm thì ai còn thêm hối.

Huy cười, rất vui :

— Thực không ? Thế việc lấy Mậu, không phải là làm liều, rồi lại hối à ? Qui bực mình với toi mà lấy Mậu, rồi co le lại bực mình với Mậu mà yêu tôi. Phải thế không ?

ĐO DỨC THU
(Con nua)

NHÀ THUỐC

NĂM MỚI

DAI QUANG

XIN KÍNH CHÚC CÁC NGÀI
DÙNG THUỐC ĐẠI QUANG
ĐỀU ĐƯỢC BÌNH AN
MẠNH KHỎE QUANH NĂM.

23 — HÀNG NGANG — HANOI



MỜI XUẤT BẢN

DANH NHÂN VIỆT-NAM

của PHAN TRẦN CHỨC

Nhà **tân dân** xuất bản

trong Tủ Sách Tao Đàn

Toàn bộ 4 quyển Mới ra quyển I

Mỗi quyển bản thường: 0 \$ 70

Bản đặc biệt lụa dó: 4 \$ 00



Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước
mỗi quyển là 0p.30. Không gửi lĩnh
hóa giao ngân. Mandat đề tên ông
Vũ Đình-Long

93, Rue du Coton. — HANOI

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHỆ
NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6^o

Chế theo phương pháp các nhà
sản xuất Desseau và Borde-
laise, đã được phòng thí-
nghiệm công nhận Thơm và độ
Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như
G. M. R. Poincard Veyret

Làm đại-lý, viết thư về:
136 Armand Rousseau, Hanoi

MÁY VỤ KIẾN GIỮA

chủ và người thuê nhà

ĐỖ DỨC-DỤC

NHỮNG sự lòi thối giữa chủ và người thuê nhà, trong lúc này, hàng ngày ta thường trông hay nghe thấy, có nhẽ chính ta đang ở trường hợp đó, hoặc giả ta là chủ nhà, hoặc giả ta là người thuê, — phần di thuê vẫn nhiều hơn !

Mà những sự lòi thối đó, chỉ một số rất ít là đưa ra tới trước pháp-luật, còn một phần lớn, không phải nó đưa đến sự điều đình ôn-thỏa do những sự nhượng nhịn của mỗi bên (!), mà — buồn thay ! — nó đã đưa đến chỗ « cắn răng mà chịu » của một số đông người đi thuê ! Tại sao họ phải chịu thua-thiệt như vậy ? tại sao họ không nhờ đến bàn tay của pháp-luật ! Có nhẽ vì họ lười biếng và ưa sống yên-tĩnh ! Có nhẽ họ giàu đức-tĩnh chịu nhịn, vì bao giờ họ cũng dính ninh « một điều nhịn là chín điều lành » ! Nhưng, cứ theo ý tôi, thì chắc chắn là vì phần nhiều người ta ít hiểu pháp-luật, không biết một cách tường-tận, xác-thực quyền-lợi của người và của mình ; và, vì thế, người ta sợ, — có khi sợ một cách rất vô-lý, tuy người ta biết mình bị ức-hiếp, — những sự kiện cáo lòi thối, đi ra tòa, tưởng như mình sẽ đi đến nơi đâu để gặp sự may thì ít mà rủi thì nhiều !

Cho nên chỉ cần người ta hiểu một cách chắc chắn quyền lợi của mình và giới-hạn của nó, do pháp-luật định, để người ta biết tự bênh-vực những khi cần đến !

Báo Thanh-Nghị hai lần đã nói rõ những sắc-lệnh mới, từ năm 1939 (từ sắc-lệnh ngày 4-11-1939 đến sắc-lệnh ngày 14-3-1942) ban-bố ra để bênh vực người đi thuê, che-chở cho họ đối với sự lạm-quyền của chủ nhà, trong thời-kỳ đặc-biệt này.

Tuy nhiên muốn hiểu một cách rõ-ràng, những sắc-lệnh đó, muốn biết cách-thức và trường-hợp ứng-dụng những sắc-lệnh mới đề tư bênh-vực, nếu cần, không gì bằng rĩ x m, qua những vụ kiện đã xảy ra giữa chủ và người thuê nhà, cách giải-thích và thi-hành của các tòa-án về những sắc-lệnh trên kia. Cho nên dưới đây tôi xin dẫn ra những lời phán-ngệ quan-trọng trong mấy vụ án đặc-biệt đã đem ra trước các tòa án Hà-Nội và Sài-gòn.

Trước hết những sắc-lệnh kể trên đều nói rõ chỉ thi-hành cho những nhà thuê để ở ; sắc-lệnh ngày 5-11-1939 cho người thuê được quyền ở thêm ba năm kể từ ngày 30-11-1939 (xem Thanh-Nghị số tháng Juin 1941) và sắc-lệnh ngày 14-3-1942 cho họ được công-nhiên ở lại nơi mình thuê cho tới ngày do một sắc-lệnh khác ấn-định sau. (Thanh-Nghị số 1er Mai 1942). Vậy thì n'ững nhà thuê để kinh-doanh hoặc về thương-mại, hoặc về kỹ-nghệ đều không được hưởng khoan-hạn hưởng dụng (prorogation de jouissance) kể trên. Nhưng làm thế-nào phân-biệt một nhà dùng để ở và một nhà dùng để buôn-bán hay làm kỹ-nghệ, khi sự thuê có tính-cách hỗn-hợp (location mixte), nghĩa là nhà vừa để ở vừa để buôn-bán hay kỹ-nghệ ? Nhất là ở xứ này, tiểu công-nghệ và tiểu thương-mại rất bành trướng, thì loại nhà đó lại càng nhiều. Để giả-nhời câu hỏi trên đây tòa-án sơ-cấp ở Sài-gòn trong một phiên-án đã quyết-ngệ một cách giản-dị rằng những nhà cho thuê có tính-cách hỗn-hợp cũng được hưởng khoan-hạn của sắc-lệnh 5-11-1939 lấy lẽ rằng những nơi thuê phần nhà để ở và phần để buôn-bán, không thể phân-ly ra được (indivisibles) để mà thủ-tiêu (résilier) một phần hợp-đồng cho thuê.

Nhưng tòa Thượng-thẩm Sài-gòn (buồng nhất, phiên 26-9-1941) đã bác lời quyết-ngệ trên kia và bắt buộc người thuê muốn hưởng khoan-

(1) Những tài liệu để viết bài này đều lấy ở tập Revue Indochinoise juridique et économique. 1er trimestre 1942 (Notes de Jurisprudence Judiciaire par Vũ-văn-Hiến).

MỸ-TÙ-PHÁP TRONG VĂN-CHƯƠNG PHÁP...

(Tiếp theo trang 15)

2-) *Tỉ dụ trong văn ta* (rất nhiều trong thơ, phú, trong lối tiểu đối, và trong văn biên ngẫu).

— Cứu nhân, độ thế. Khuyển thiện, chùng dâm.
(câu đối).

— Khi chén rượu, khi cuộc cơ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên (Kiều).

— Đau quá đòn hằn, rát hơn lửa bỏng
Tủi bút tủi nghiêng, tủi lều tủi trống (T. K. Xương
phú)

— Nhân nghĩa vút đi hết, thế giới đến thế thì
thôi.

Thần nhân đều lấy làm giận, trời đất cũng không
thể dung (Binh ngô đại cáo).

— Mối manh chưa có, thế thốt đã nhiều
Trắng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi (văn xuôi
cổ Chu-mạnh-Trinh).

c)

Cách dùng những chữ tương phản trong văn biên-ngẫu của ta và trong lối đối-ngẫu của Pháp

1-) *Tỉ dụ trong văn ta*,

Trong văn xuôi cổ, những chữ tương phản đề
cùng trong một câu. Ví dụ: « Ta đây ngày thì
quên ăn, đêm thì quên ngủ... dẫu thân này phơi
ngoài nội cỏ, sắc này gói trong dạ ngựa... »
Trần-quốc-Tuấn.

Nhưng trong câu đối, trái lại những chữ ấy
phần nhiều đề trong hai vế khác nhau. Ví dụ:

Ba hồi trống dục, mờ cha kiếp

Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời (Cao Bá-Quát).

— Nhà giột đôi ba gian, một thày, một cô, một
chó cái — Học trò dăm bảy đứa, nửa người, nửa
ngợm, nửa đười ươi (Ích-Khiêm).

2-) *Trong văn đối-ngẫu của Pháp.*

Trong văn đối ngẫu, những chữ tương phản
phần nhiều cũng ở cùng trong một câu (giống lối
văn xuôi cổ) có khi chữ nọ lại đề ghép liền ngay
chữ kia.

a) *Chữ tương phản đề ghép liền trong một câu.*

Trong « Le Cid » của Corneille có câu: « Cái ánh
sáng mờ tối lấm tịt các vì sao rơi xuống ấy. » (Cet-
te obscure clarté qui tombe des étoiles). Chữ clar-
té (ánh sáng) đề cạnh chữ obscure (tối tăm) tưởng
như trái ngược nhau, nhưng dùng vào đây thật là
tuyệt diệu, vì tác giả tả ánh sao, một thứ ánh sáng

sanh sanh, lơ mờ huyền ảo, làm cho mọi vật như
chìm đắm trong một đám sương mù.

Văn ta cũng có câu:

Khôn nghề cờ bạc là khôn đại,

Đại chốn vầu bài ấv đại khôn (Tu-Xương)

b) *Chữ tương phản cùng đề trong một câu nhưng
không liền nhau.*

Ví dụ trong văn Pháp:

Đức Chúa Jêsus đã chịu thương tích để va lành
những vết thương của chúng ta; người đã chịu làm
nô lệ để ta được tự do; người đã chết để cứu ta
sống (St Cyprien)

Trong văn biên-ngẫu của ta những chữ tương
phản cũng có một vài khi đề cùng trong một câu

Thương em bởi ma phẫn rang đen, mình yêu
điệu, thêm bộ cánh trang hoàng: đẹp!

Yêu anh vì mắt bạc môi thâm, vai so rụt, lại
bàn đèn rực rỡ: sang!

— Ngồi đồ lợp nghề, lợp trên dè lợp dưới,
Đá sanh xây cổng, hòn dưới nống hòn trên
— Dơ tay với thử trời cao, thấp
Soạc căng đo xem đất vắn, dài (X. Hương)

(Còn nữa)

MARBRERIE
PHAM VAN VY
MONUMENTS
FUNÉRAIRES
TOUS TRAVAUX
EN MARBRE
ET GRANITO



Appareil sanitaire en granito
34, rue Sergent-Larrivé. HANOI

Cuộc chiến tranh ở Âu - Châu

RỒI đây khi tiếng súng đã yên, tiếng thúc dục của lòng dục-vọng đã bớt, những thế-hệ đến sau ta sẽ ôn lại những việc xảy ra từ tháng 9 năm 1939 tới nay mà suy-luận những bài học kinh nghiệm về binh-bị, chính-trị, xã-hội và luân-lý.

Nay đem những việc ấy ra mà phê-bình thì còn sớm quá. Nhưng nhắc qua lại những cuộc thay đổi lớn lao về chính-trị và binh-bị trong 33 tháng vừa qua không phải là vô-ích, vì trong khoảng thời-gian ấy nhân-loại đã trông thấy rung-chuyển rồi đổ-nát bao nhiêu chế-độ, bao nhiêu công cuộc, bao nhiêu tin - tưởng, bao nhiêu thành-kiến từ trước đến nay vẫn được coi là bất-di bất-dịch.

Nguyên-nhân trực-tiếp hay gián-tiếp những sự thay-đổi ấy là cuộc Âu-chiến xảy ra từ ngày mồng một tháng chín 1939 tại biên-thùy Đức-Ba-Lan.

Trước ngày đó, từ cuối năm 1938 (sau cuộc gặp gỡ Hitler - Mussolini - Chamberlain - Daladier ở Munich), người ta đã lo lắng ngại-ngùng về cuộc chiến-tranh sắp xảy ra. Nhưng không ai tin rằng chiến-tranh xảy ra sớm thế và nhất là không ai đã ngờ đến cái thế lực mãnh-liệt của quân-đội Đức. Không những thế người ta còn cho rằng về phương-diện kinh-tế Đức và các nước đồng-minh với Đức thua kém nhiều—họ phải giao dịch nhiều với các nước dân-chủ Anh-Pháp-Mỹ mới có thực-phẩm cho dân và nguyên-liệu cho kỹ-nghệ — nên khi xảy ra chiến tranh chỉ cần phong-tỏa Đức-Ý thì tất nhiên hai nước độc-tài đó sẽ bị khó-khăn về nội-chính mà mất tinh-thần kháng-chiến. Tư-tướng ấy hình - hành đến nỗi sau khi Nga-Đức đã ký hợp-ước với nhau người ta vẫn còn tin chắc như thế!

Nhưng trong hàng ngũ dân-chủ người ta đã quên rằng trong cuộc chiến-tranh điều cần-nhất là chiến-thuật và binh-bị.

Ngày mồng một tháng chín 1939 Đức kéo quân sang Ba-Lan, rồi giữa sự kinh-ngạc của toàn thế-giới, đến giữa tháng ấy thì nước Ba-Lan, một thành lũy của Anh-Pháp tại Đông-Âu, bị chinh-phục gần hết. Ngày 29 tháng 9 sau khi đã cố chống giữ 17 ngày, thành Varsovie xin hàng và từ ngày ấy nước Ba-Lan không còn trên bản-đồ Âu-châu nữa: một phần về phía tây thì bị Đức sáp-nhập vào lãnh-thổ của mình còn một phần về phía đông thì bị Nga chiếm-cứ.

Sau trận Ba-Lan chớp-loáng ấy, trong lòng sáu tháng giới, người ta chỉ chú-ý đến những việc có thể gọi là « phụ » xảy ra ở Đông-Âu: Nga chiếm

những yếu điểm ở các nước nhỏ Estonie, Lettonie, Lituanie rồi từ cuối tháng mười 1939 đến giữa tháng ba 1940 đánh nhau với Phần - Lan.

Những tay cừ-khỏi trong cuộc Âu-chiến này là Đức-Anh-Pháp vẫn chưa gặp nhau một cách kịch-liệt. Bấy giờ Anh-Pháp chỉ cốt thắt chặt giây liên-kết hai đế-quốc về mặt kinh-tế và hết sức ngăn không cho Đức buôn bán với nước ngoài: thiếu chiến-cụ, người ta tưởng có thể lấy « binh-khí kinh-tế » mà thay được.

Sang tháng tư 1940, mới bắt đầu trận đánh ở phía tây: ngày 10 tháng ấy, Đức chiếm Đan-mạch và đổ bộ sang Na-Uy.

Anh-Pháp còn đương đem quân cố trợ-chiến ở Navick và Trondjem (tại Na-Uy) thì ngày 7 tháng 5, quân Đức kéo sang Hà-Lan, Lục-xâm-Bảo và Bỉ. Quân Anh và nhất là Pháp lại kéo lên phía bắc để giúp Hà-Lan và Bỉ.

Thừa dịp ấy Đức tiến mạnh vào chiến-lũy Maginot, ngày 13 tháng 5 chọc thủng phòng-tuyến Pháp ở giữa Forbach và Vosges, ngày 17 qua sông Meuse rồi từ đấy, Anh-Pháp chỉ còn cố ra công chống đỡ. Ngày 20 tháng 5, thủ-tướng Pháp là Reynaud mời Thống-chế Pétain bấy giờ đương làm đại-sứ Pháp tại kinh thành Y-phe Nho, về giữ chức phó-thủ-tướng và làm cố-vấn binh bị cho chính-phủ và ủy-thác cho tướng Weygand thay tướng Gamelin th-ưng-lĩnh quân đồng-minh. Nhưng tình-thế đã nguy-ngập lắm rồi. Thiếu phi-cơ, thiếu chiến-xa, thiếu binh-sĩ, tướng Weygand lúc đầu tuy thắng được vài trận ở dọc sông Somme (Pháp) nhưng sau cũng không ngăn được cuộc tấn-công của Đức.

(Còn nữa)

TÀN-PHONG

SẮP CÓ BÁN:

XUÂN THU NHÃ TẬP

Tư-tướng, Văn - chương và Nghệ - thuật tiên phong
công trình của:

NGUYỄN ĐỖ CUNG, PHẠM VĂN HẠNH
NG. XUÂN KHOÁT, NG. LƯƠNG NGỌC
NG. XUÂN SANH, ĐOÀN PHÚ TỬ

Chủ biên: Xuất bản:
ĐOÀN PHÚ TỬ NG. LƯƠNG NGỌC

Gửi tiền về: Ông NG. LƯƠNG NGỌC,
26, phố Nguyễn Trãi — Hanoi

NHÀ XUẤT BẢN “MÓI”

DƯỚI QUYỀN GIÁM - ĐỐC CỦA LÊ VĂN DỰ

57, Phúc Kiến — HANOI

một nhà xuất bản đứng đắn, vừa ra đời đã được
sự tin cậy của tất cả bạn đọc ở khắp bốn phương

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP ĐÔNG PHÁP TẠI CÁC HIỆU SÁCH LỚN

HAI TÁC PHẨM NGHỆ-THUẬT

Kinh cầu tu'

tập văn xuôi đầu tiên của thi-sĩ

HUY CẬN

còn 5 bản Lụa Dó, giá mỗi bản : 3p.50

còn 3 bản Vergé bambou

Giá mỗi bản : 4p.50

Bản thường giá : 0p.85

Tiên nhiên mì co'

phóng tác của VŨ NGỌC PHIAN

theo Le roman de Tristan et Iseut

câu truyện tình hay nhất

thế-giới của các thời đại

Giá : 1p 25

SẮP CÓ BÁN :

HAI TÁC-PHẨM NHỮNG CẢNH ĐỜI

Làm tiền

phóng sự của TRỌNG LANG

TÁC - GIẢ HÀ-NỘI LÂM THAN

những sự thực náo nùng mà tác-giả đã

nhìn, đã viết ra với một tâm hồn nghệ sĩ

Kèm thêm một trang tự tích của tác-giả

Con nhà nghèo

tiểu thuyết của PHIẾU LINH

Nhìn vào cuộc đời, vào cái xã-hội mình
đương sống, tôi nghiệm ra rằng mỗi người là
một ý tưởng, mỗi người gọi cho lời một ý
tưởng.

Để thực hành điều nhận xét đó, những nhân
vật trong tiểu thuyết tôi chỉ là do từng ý tưởng
mà có (Rút trong bài Tựa)

Một thể tiểu thuyết rất mới, chưa từng có từ
trước đến nay.

THÁNG THỨ BA :

CHUYỆN VÔ LÝ

phiếm luận của Lăng Nhân

PHÙNG TẮT ĐẮC

TÁC GIẢ TRƯỚC ĐỀN

QUÊ NGƯỜI

tiểu thuyết dài đầu tiên của

TÔ HOÀI

CHÚ Ý : Những sách sắp ra, đại-lý lấy bao nhiêu xin cho biết trước ngay khi chưa in.

VỆ SINH Ở THÔN QUÊ

(Tiếp theo trang 20)

Nếu, làng chưa có phòng thuốc tất nhiên phải trù tính lập một phòng thuốc nhỏ. Việc này rất cần. Dù tốn cũng phải làm. Nếu ta nói truyền bá vệ sinh và tân-y-học mà không làm gì cho họ, đau mắt không có thuốc tra, đau chân không có thuốc lạp, đau bụng không có thuốc uống thì tất nhiên họ không tin ta. Vì vậy ta đã phải dùng cách chữa bệnh dễ gây dần lấy những nền tảng vững bền cho công cuộc vệ-sinh sau này. Công việc trong phòng thuốc có hai phần :

a) Những người ốm có thể lại phòng thuốc được sẽ được khám và lấy thuốc ngay ở phòng thuốc.

b) Những người nặng nằm nhà sẽ được người lại thăm do người nhà lại tìm thầy thuốc hay do những người thăm vệ-sinh loan báo phòng thuốc.

Trong những bệnh nhân ấy, người nào cần phải tới nhà thương điều trị, ta sẽ lo cho họ vào nhà thương được chu đáo. Như vậy sẽ đỡ cái nạn uổng mạng vì cầu thả hoặc vì quá tin các ông lang băm.

E) Lớp huấn-luyện nhân viên vệ-sinh.

Như trên đã nói, những người giữ việc thăm vệ-sinh cần phải là những người luôn luôn gần gũi dân làng, được họ biết, họ tin. Muốn vậy, chỉ một cách là lấy ngay các người trong làng dùng vào việc ấy. Và có thể họ mới ở lâu được một nơi. Công việc cũng vì thế mà thêm lâu dài. Chương trình lớp huấn luyện này có hai phần : phần chuyên môn, phần xã giao.

a) Phần chuyên-môn.

Ta đem hết mọi điều thường thức về vệ-sinh dẫn giải cho họ một cách tinh - vi, theo một chương trình đã định. Muốn cho lớp ấy được dễ hiểu và vui, ta sẽ cho họ xem ngoài những tranh vẽ, những vi-trùng qua kính hiển-vi những ki-sinh trùng trong loài vật, những bộ phận người chết vì các bệnh. Ta lại có thể tổ chức những cuộc đi tham các phòng thí nghiệm về vi-trùng học, ký-sinh-trùng học, viện Pasteur, các nhà thương cũng là các nơi công sở có liên can đến vệ-sinh. Chiều bóng về các cuộc thí nghiệm vệ-sinh cùng các cách tổ chức vệ-sinh tại các nước cũng là một bài học dễ hiểu và hoạt động nên nghĩ tới.

b) Phần xã-giao.

Theo như công việc của những người này, mỗi người cần phải có ý-tức, lễ phép, khéo cư-xử, biết chiều ý người mà không hại đến tôn chỉ và công

việc mình. Trong lúc giao thiệp với dân làng như vậy trường xã-giao cũng là một điều quan trọng. Vậy ngoài việc học chuyên môn ta phải nên chú ý đến. Trong chương trình nên dành riêng một vài giờ về xã-giao. Nhưng một cách học khoa này giản dị và thiết thực nhất là ngay bước đầu trong khi ta tổ chức những cuộc thăm vệ-sinh họ sẽ đi với ta nhận xét lấy mọi trường hợp cùng các cách giải quyết. Và có họ đi với ta dân làng cũng đỡ e-lệ, nghi hoặc. Sau 6 tháng hay 1 năm thực-hành như vậy, ta có thể không ngần ngại giao phó công việc cho họ mà chỉ giữ quyền kiểm soát thôi. Tất nhiên lớp huấn luyện này phải luôn luôn tiến hành để luôn luôn có người làm việc, và lớp này nghỉ sẽ có lớp khác thay.

Cùng một nhịp, dưới quyền kiểm soát của ban tổ-chức, các tiểu ban tuần-tự tiến hành. Mỗi năm thêm kinh nghiệm, công việc một ngày một đầy đủ, và dân-trí một mở rộng, một hiểu biết thêm. Chắc cái ngày hầu hết mọi người hay làng tự thấy cần sống một cuộc đời hợp vệ-sinh và tự tìm cách thực hành, tưởng cũng không xa.

Cái hi vọng đó không phải là viễn vông. Gương tiến hóa nhanh chóng ấy đã được treo trước mặt ta, ở một đôi nước ngoài. Ta có thể tin rằng : « Hễ muốn, và muốn có quy củ, có phương châm; thì thế nào cũng được ».

Vũ-văn-Cẩn

(trong ban Truyền-bá Vệ-sinh và Tân Y-học của Tổng hội sinh trường Đại học Hanoi).

CÁI CHÍNH

Trong bài : Trờng C. Đ. T. D. Phan Thiết ký trước : Trang 10, cột 1, giòng cuối : « chạy 150 » xin đọc « chạy 1500 thước ».

Trang 11, cột 1 : giòng 4 : « đánh ban đầu », xin đọc « đánh ban ».

Giòng 22 : «... thực hiện, trong...», xin đọc « thực hiện. Trong ..»

Giòng 26 : « đều các bắp thịt » xin đọc « điều các bắp thịt... »

Giòng 32 : « quan tâm về... » xin đọc « quan tâm đến ».

Trang 11, cột 2, giòng 25 :

« Hiệu quả là nở nang... » xin đọc « hiệu quả là làm nở nang ..»

Trang 25, cột 1 giòng 6 : « chạy 2400 thước. » xin đọc : « chạy 1500 thước. »

HÀN-THUYỀN

NHÀ XUẤT - BẢN ĐƯỢC CÁC
BẠN THANH NIÊN VÀ CÁC BẬC
THỨC GIẢ HOAN NGHÊNH VÀ
CHÚ-Ý ĐẾN NHẤT. HIỆN-THỜI.

MỚI PHÁT-HÀNH

Một cuốn sách tư-tưởng rất táo-bạo
của P. N. KHUÊ

NGHỊ - LỰC

Dày hơn 200 trang — Giá 1\$00

Một cuốn tiểu-thuyết nói về
đời sống của học-trò nho ngày xưa :
của CHU THIÊN

BÚT - NGHIÊN

Dày 400 tr. — Bìa của N. Huyền — Giá 2\$00

Mua một cuốn, xin gửi tiền về trước, kèm thêm
0\$60 bưu - phí. Mandat, đề M. Le Directeur :
Hàn-Thuyền xuất bản cục, 71, Tien Tsin, Hanoi.

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con,
các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng
các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện
thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60.

Mandat mua báo gửi cho :

Mme THUY AN
Journal Đàn Bà

76, Wiélé — Hanoi

TÔ MỸ

102, Hàng Bát Xứ — Hanoi

Chuyên môn may y phục phụ nữ —
Manteaux — Pyjamas

Thống-chế Pétain đã nói :

« Hết lòng khôi-phục sự lớn-lao của
nước nhà, suy-nghĩ đến sừ-mệnh đối
với Đê-quốc, đó là công-nghiệp ngày
mai của quốc-dân Đại-pháp ».

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua

VÉ SỒ SỒ
Đông - dương

ĐÃ CÓ BÁN :

TẢN-ĐÀ TẢN VẤN

của Tản-Đà Nguyễn Khắc Hiền

Đọc Tản-Đà Tản Vấn để hiểu và học
lấy những tư tưởng của một bậc thi hào,
một nhà nho khi phách, một người dân
yêu nước, để gây cho tâm hồn những cảm
tình cao thượng. Giá. 0\$40

MỘNG và THỰC

Tiểu thuyết của Giao-Chi

Nhà văn danh tiếng Giao-Chi, trong
cuốn tiểu-thuyết giá trị này, sẽ tả những
tan vỡ của bao nhiêu mộng đẹp, những sự
thực cay đắng của đời, những mơ ước
và đau khổ của các nàng trinh nữ.

Giá. 0\$45

CÒN RẤT ÍT :

NÀNG, tiểu thuyết của Lan-Khai.

Giá. 0\$80

LỖ BƯỚC SANG NGANG, thơ của
Nguyễn-Bình. Giá. 0\$70

HƯƠNG-SƠN XUẤT BẢN

Số 97, Phố hàng Bông — HANOI

BÁO THANH - NGHỊ

(mỗi tháng ra 2 kỳ vào những ngày 1 và 16)

BAN BIÊN TẬP

A. — Phần nghị-luận và khảo-cứu :

Các bà PHAN-ANH, HOÀNG-XUÂN-HÂN. Cô VŨ-THỊ-HIỀN.

LÊ-HUY-VÂN, PHAN-ANH, VŨ-VĂN-HIỀN, ĐỖ-XUÂN-SẢNG, NGUYỄN-NHƯ KONTUM, PHẠM-GIA-KÍNH, HOÀNG-XUÂN-HÂN, TRẦN-VĂN-GIÁP, NGUYỄN-TRỌNG-PHẤN, NG-VĂN-TỐ, VŨ-VĂN-CẦN. D^r ĐẶNG-HUY-LỘC, D^r TRỊNH-VĂN-TUẤT, D^r TRẦN-VĂN-BẢNG, D^r PHAN-HUY-QUÁT, VŨ-ĐÌNH-HÒE v. v...

B. — Phần văn-chương và mỹ-thuật :

TÔ-NGỌC-VÂN, NGUYỄN-XUÂN-KHOÁT, ĐOÀN - PHÚ-TỬ, ĐỖ-ĐỨC-THU, ĐÌNH-GIA-TRINH, v. v....

C. — Phần nhi-dồng giáo-dục :

PHẠM-LỢI, NGÔ-BÍCH-SAN, LÊ-HUY-VÂN, NGUYỄN - QUANG - ĐƯỜNG, VŨ-ĐÌNH-HÒE, v. v...

Trong số 1^{er} Juillet 1942 :

— Những nền móng của một cuộc xây dựng về giáo-dục.	VŨ-ĐÌNH-HÒE
— Hiến-pháp các nước	PHAN-ANH
— Luật thuê nhà theo sắc-lệnh ngày 5 Mai 1942.	ĐỖ XUÂN-SẢNG
— Dịch-thuật danh-văn ngoại-quốc « Nghệ-thuật và kinh-nghiệm » của E. Jaloux.	DIỆU-ANH
— Kỷ-niệm Phan-Thiết (bài nối)	ĐÌNH GIA-TRINH
— Địa-vị Khổng-Tử trong Nho giáo.	ĐẶNG THÁI-MAI
— Lược khảo tiểu-thuyết Tàu.	TRẦN-VĂN-GIÁP
— Thái-bình-Dương và Đông-Dương từ Septembre 1939.	TÂN-PHONG
— Trường Cao-đẳng thê-dục Phan-Thiết (bài nối).	D. G. T.
— Trồng chà.	NGUYỄN-XUÂN-KHOÁT
— Đọc sách mới.	LÊ HUY-VÂN
— Bạc, truyện ngắn.	BÙI HIỀN

GIÁ BÁO :

THANH NGHỊ : mỗi số : 0 \$ 25, 3 tháng 1 \$ 50, 6 tháng 2 \$ 80, 12 tháng 5 \$ 40

V. M. TRẺ EM : — 0 \$ 15, — 1 \$ 30, — 2 \$ 60 — 5 \$ 00

TÒA BÁO : 102, PHỐ HÀNG BÔNG — Giấy nói : 672

Directeur gerant : VŨ-ĐÌNH-HÒE. Fondateur : Doãn-Kế-Thiên Imp. TRUNG-BẮC — Hanoi